

Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông.

Hoài Thanh

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I.KIẾN THỨC	- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại. - Nhận biết và phân biệt được lời người kể chuyện và lời nhân vật; lời đối thoại và lời độc thoại trong VB truyện. - Có một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt: chữ Nôm và chữ quốc ngữ. - Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết; trình bày được giải pháp khả thi và có sức thuyết phục. - Biết trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự. * HSKT: Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm, có một số hiểu biết sơ giản về chữ viết tiếng Việt.
II.NĂNG LỰC	* Năng lực chung: - Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo. *Năng lực đặc thù: -Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học
III. PHẨM CHẤT	Tự hào, trân trọng những di sản văn hóa, văn học của dân tộc, có ý thức gìn giữ và phát triển tiếng Việt.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập, video...
2. Thiết bị: Ti vi , bảng, máy tính

C. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC

Tuần: 7

Tiết: 25,26,27

Ngày soạn: 13/10/2025

Ngày dạy: 19,20,21/10/2025

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC BÀI
GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN
VĂN BẢN 1: KIM – KIỀU GẶP GỠ
(trích *Truyện Kiều*) – NGUYỄN DU**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức :

- HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm nói chung cũng như trong đoạn trích *Kim - Kiều gặp gỡ* nói riêng như: chủ đề, lời người kể chuyện và lời nhân vật, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ.
- HS kết nối VB với thực tế đời sống.

2. Năng lực

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù: Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

3. Phẩm chất

- Thái độ yêu thích văn chương, yêu thích *Truyện Kiều* hơn.
- Biết trân trọng những tình cảm đẹp như tình yêu đôi lứa, biết yêu quý, giữ gìn và phát huy vẻ đẹp của tiếng Việt.

***HSKT:** HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm, biết trân trọng những tình cảm đẹp.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIỀN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Tổ chức thực hiện hoạt động:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
-------------------	----------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *Cách 1: Yêu cầu HS giới thiệu một tác phẩm văn học hoặc bộ phim có câu chuyện tình yêu để lại cho bản thân ấn tượng đẹp. *Cách 2: PP trò chơi ô chữ Học sinh giải ô chữ hàng dọc gồm 5 chữ cái, tương ứng với 5 câu hỏi. Mỗi câu hỏi với mỗi câu trả lời đúng sẽ mở ra được một ô chữ cái tương ứng. 5 chữ cái đó sẽ được sắp xếp ngẫu nhiên. Câu hỏi. Câu 1. Những câu ca dao chủ yếu được viết theo thể thơ nào? Câu 2. Điền từ còn thiếu trong hai dòng thơ sau “Bao giờ ngàn Hóng hết câyhết nước họ này hết quan” Câu 3. Cảm hứng nổi bật trong đoạn trích “Buổi tiễn đưa” (trích <i>Chinh phụ ngâm</i>) là gì? Câu 4. Ô may mắn, lật được luôn chữ cái. Câu 5. Truyện <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> (Nguyễn Dữ) viết về đề tài gì? * Cách thức: GV cho học sinh chọn câu hỏi, GV đọc câu hỏi, học sinh trả lời nhanh. GV có cách thức quy định phần thưởng cho câu trả lời hàng ngang và hàng dọc. GV phát vấn: <i>Bạn nào biết Tố Như chính là ai?</i> *Cách 3: HS quan sát bức tranh chị em Thúy	*Cách 1: HS giới thiệu và chia sẻ cảm nhận về câu chuyện tình yêu trong một tác phẩm nghệ thuật: Ví dụ: + Câu chuyện tình yêu giữa chàng trai hát hay và cô gái con phú hộ trong <i>Chuyện tình ở Thanh Trì</i> (Vũ Trinh); + Chuyện tình yêu giữa Dư Nhuận Chi và Thuý Tiêu trong truyện truyền kì <i>Chuyện nàng Thuý Tiêu</i> (Nguyễn Dữ); + Mỗi tình giữa Nguyệt và Lãm trong truyện ngắn <i>Mảnh trăng cuối rừng</i> (Nguyễn Minh Châu); + Câu chuyện tình yêu giữa chàng trai và cô gái trong bài thơ <i>Thuyền và biển</i> (Xuân Quỳnh),... *Cách 2: Trò chơi ô chữ Câu 1: Thể loại lục bát Câu 2: Sông Lam Câu 3: Cảm hứng nhân đạo Câu 4: Chữ cái H Câu 5: Đề tài người phụ nữ * Ô chữ hàng dọc: Tố Như =>Tố Như chính là Nguyễn Du *Cách 3: HS chia sẻ cảm nhận về bức tranh minh hoạ cảnh Kim - Kiều gặp gỡ.
---	---

Kiều trong lần đầu gặp Kim Trọng. Hãy nêu cảm nhận về khung cảnh mùa xuân và tâm trạng của các nhân vật trong bức tranh.



Gợi ý: Khung cảnh mùa xuân trong sáng, tươi đẹp làm nền cho cuộc gặp gỡ giữa các chàng trai, cô gái trẻ trung, đầy sức sống. Các nhân vật mang tâm trạng e ấp, ngại ngùng trong buổi đầu gặp gỡ.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ và trả lời cá nhân.
- GV quan sát, khích lệ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV dẫn vào bài mới:

Tình yêu vốn là đề tài muôn thừa của văn học. Những mối tình dù có kết thúc trọn vẹn, viên mãn hay những mối tình dang dở đều để lại cho người đọc muôn đời những cảm xúc khó phai. Đặc biệt, những giây phút buổi ban đầu gặp gỡ đầy bối rối, e ấp, ngại ngùng của lứa đôi luôn là những khoảnh khắc đẹp đẽ, để lại những xúc cảm đẹp trong lòng người đọc.

Đại thi hào Nguyễn Du đã thật tài tình khi dùng ngòi bút của mình tái hiện những giây phút gặp gỡ buổi ban đầu của Kim – Kiều – một trong những mối tình đẹp nhất trong truyện thơ Nôm Việt Nam.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Hoạt động 2.1. Tìm hiểu chung

a. Mục tiêu : Giúp HS tìm hiểu chung về thể loại; tác giả, tác phẩm và đoạn trích.

b. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																										
Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về truyện thơ Nôm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc kĩ nội dung Tri thức Ngữ văn về Truyện thơ Nôm (tr 65/ SGK), thảo luận cặp đôi để hoàn thành nhanh Phiếu học tập số 01 sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Tìm hiểu chung về truyện thơ Nôm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Văn tự</td><td></td></tr> <tr> <td>2. Thời kì hình thành và phát triển</td><td></td></tr> <tr> <td>3. Thể thơ</td><td></td></tr> <tr> <td>4. Đặc điểm nội dung</td><td></td></tr> <tr> <td>5. Đặc điểm hình thức nghệ thuật (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ, thể thơ)</td><td></td></tr> <tr> <td>6. Tác phẩm tiêu biểu</td><td></td></tr> </tbody> </table> - Phân biệt lời đối thoại và lời độc thoại trong truyện. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ	Tìm hiểu chung về truyện thơ Nôm		1. Văn tự		2. Thời kì hình thành và phát triển		3. Thể thơ		4. Đặc điểm nội dung		5. Đặc điểm hình thức nghệ thuật (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ, thể thơ)		6. Tác phẩm tiêu biểu		I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Tri thức về thể loại 1.1. Truyện thơ Nôm <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Tìm hiểu chung về truyện thơ Nôm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Văn tự</td><td>Chữ Nôm</td></tr> <tr> <td>2. Thời kì hình thành và phát triển</td><td>- Hình thành vào khoảng thế kỉ XVI – XVII. - Phát triển mạnh và đạt được nhiều thành tựu ở cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX.</td></tr> <tr> <td>3. Thể thơ</td><td>Phần lớn là thể lục bát</td></tr> <tr> <td>4. Đặc điểm nội dung</td><td>- Phản ánh cuộc sống, xã hội; - Bộc lộ thái độ, cảm xúc, tâm trạng của nhân vật, tác giả. - Giàu cảm hứng nhân đạo và có giá trị hiện thực sâu sắc.</td></tr> <tr> <td>5. Đặc điểm hình thức nghệ thuật (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ, thể thơ)</td><td>- Kết hợp giữa tự sự và trữ tình. - Cốt truyện: + Thường xây dựng theo mô hình với ba phần cơ bản: <i>Gặp gỡ - Chia li – Đoàn tụ</i>. + Tiếp thu nguồn cốt truyện dân gian hoặc văn học Trung Quốc, hoặc lấy đề tài từ đời sống thực tế với cốt truyện do tác giả tự sáng tạo. - Nhân vật: + Nhân vật chính thường là những chàng trai, cô gái có vẻ đẹp toàn diện nhưng cuộc sống thường gặp nhiều trắc trở.</td></tr> </tbody> </table>	Tìm hiểu chung về truyện thơ Nôm		1. Văn tự	Chữ Nôm	2. Thời kì hình thành và phát triển	- Hình thành vào khoảng thế kỉ XVI – XVII. - Phát triển mạnh và đạt được nhiều thành tựu ở cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX.	3. Thể thơ	Phần lớn là thể lục bát	4. Đặc điểm nội dung	- Phản ánh cuộc sống, xã hội; - Bộc lộ thái độ, cảm xúc, tâm trạng của nhân vật, tác giả. - Giàu cảm hứng nhân đạo và có giá trị hiện thực sâu sắc.	5. Đặc điểm hình thức nghệ thuật (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ, thể thơ)	- Kết hợp giữa tự sự và trữ tình. - Cốt truyện: + Thường xây dựng theo mô hình với ba phần cơ bản: <i>Gặp gỡ - Chia li – Đoàn tụ</i> . + Tiếp thu nguồn cốt truyện dân gian hoặc văn học Trung Quốc, hoặc lấy đề tài từ đời sống thực tế với cốt truyện do tác giả tự sáng tạo. - Nhân vật: + Nhân vật chính thường là những chàng trai, cô gái có vẻ đẹp toàn diện nhưng cuộc sống thường gặp nhiều trắc trở.
Tìm hiểu chung về truyện thơ Nôm																											
1. Văn tự																											
2. Thời kì hình thành và phát triển																											
3. Thể thơ																											
4. Đặc điểm nội dung																											
5. Đặc điểm hình thức nghệ thuật (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ, thể thơ)																											
6. Tác phẩm tiêu biểu																											
Tìm hiểu chung về truyện thơ Nôm																											
1. Văn tự	Chữ Nôm																										
2. Thời kì hình thành và phát triển	- Hình thành vào khoảng thế kỉ XVI – XVII. - Phát triển mạnh và đạt được nhiều thành tựu ở cuối thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX.																										
3. Thể thơ	Phần lớn là thể lục bát																										
4. Đặc điểm nội dung	- Phản ánh cuộc sống, xã hội; - Bộc lộ thái độ, cảm xúc, tâm trạng của nhân vật, tác giả. - Giàu cảm hứng nhân đạo và có giá trị hiện thực sâu sắc.																										
5. Đặc điểm hình thức nghệ thuật (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ, thể thơ)	- Kết hợp giữa tự sự và trữ tình. - Cốt truyện: + Thường xây dựng theo mô hình với ba phần cơ bản: <i>Gặp gỡ - Chia li – Đoàn tụ</i> . + Tiếp thu nguồn cốt truyện dân gian hoặc văn học Trung Quốc, hoặc lấy đề tài từ đời sống thực tế với cốt truyện do tác giả tự sáng tạo. - Nhân vật: + Nhân vật chính thường là những chàng trai, cô gái có vẻ đẹp toàn diện nhưng cuộc sống thường gặp nhiều trắc trở.																										

- HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi. - GV quan sát, động viên. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS lắng nghe, nhận xét và bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chuẩn hoá kiến thức	+ Được khắc họa ở cả hai phương diện: con người bên ngoài (ngoại hình, lời nói, hành động, cử chỉ,...) và con người bên trong (suy nghĩ, cảm xúc, diễn biến tâm lí). + Lời thoại nhân vật đã được chú ý ở cả hai hình thức: đối thoại và độc thoại. - Ngôi kể: thường ở ngôi thứ ba - Ngôn ngữ: Ngôn ngữ giản dị, gần với lời ăn tiếng nói của nhân dân. - Thể thơ lục bát được hoàn thiện, đạt tới mức nhuần nhuyễn. 6. Tác phẩm tiêu biểu - Truyện thơ Nôm bình dân: <i>Phạm Tải – Ngọc Hoa</i>; <i>Tống Trân- Cúc Hoa</i>; <i>Thạch Sanh</i>;... - Truyện thơ Nôm bác học: <i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du); <i>Hoa Tiên</i> (Nguyễn Huy Tựu), <i>Nhị độ mai</i>; <i>Lục Vân Tiên</i> (Nguyễn Đình Chiểu); <i>Sơ kính tân trang</i> (Phạm Thái);...
	1.2. Lời đối thoại và lời độc thoại trong truyện - Lời đối thoại: Là hình thức thể hiện của lời nhân vật khi đối tượng hướng đến là một hoặc nhiều người tham gia giao tiếp trực tiếp. - Lời độc thoại: Là hình thức thể hiện của lời nhân vật, khi đối tượng hướng đến không phải là người tham gia đối thoại trực tiếp.
Thao tác 2. Hướng dẫn HS đọc VB Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	2. Đọc văn bản - Đọc diễn cảm văn bản - Tìm hiểu các chú thích, các từ ngữ khó.

vụ - GV hướng dẫn HS cách đọc VB: đọc với giọng đọc chậm rãi, nhẹ nhàng, ngắt nhịp theo cảm xúc của các nhân vật trữ tình. - GV mời 1 HS đọc diễn cảm đoạn trích; các HS khác nhận xét. - GV nhắc HS sử dụng chiến lược đọc trong các thẻ chỉ dẫn: <i>theo dõi, hình dung</i>. - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích ở chân trang. - GV yêu cầu HS trao đổi về một số từ ngữ khó trong VB. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc diễn cảm, thể hiện được tâm trạng, cảm xúc của các nhân vật. - HS tìm hiểu chú thích và các từ ngữ khó. Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định	
Thao tác 3. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	3. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm và đoạn trích 3.1. Tác giả Nguyễn Du

HS đọc phân tri thức **Sau khi đọc**, thảo luận nhóm trong 03 phút:

- **Nhóm 1:** Tìm hiểu về *tác giả* Nguyễn Du.

- **Nhóm 2:** Tìm hiểu những nét chung về tác phẩm *Truyện Kiều*

Nhóm 3, nhóm 4: Tìm hiểu những nét chung về đoạn trích *Kim – Kiều gặp gỡ*:

Phiếu học tập số 02:

Nhiệm vụ	Yêu cầu tìm hiểu
Tác giả Nguyễn Du (nhóm 1)	- Quê hương - Thời đại - Cuộc đời
Tác phẩm <i>Truyện Kiều</i> (nhóm 2)	- Nguồn gốc cốt truyện - Ngôn ngữ và thể loại - Tóm tắt tác phẩm - Giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật
Đoạn trích <i>Kim – Kiều gặp gỡ</i> (nhóm 3, 4)	- Vị trí – bối cảnh đoạn trích - Nhan đề - Hệ thống



a. Cuộc đời

- Sinh năm 1765, mất năm 1820.

- Quê hương: Quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, trấn Nghệ An (nay là huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh).

- Thời đại: Sinh ra, lớn lên trong thời đại lịch sử nhiều biến động.

- Cuộc đời: Cuộc đời nhiều thăng trầm, vốn sống phong phú.

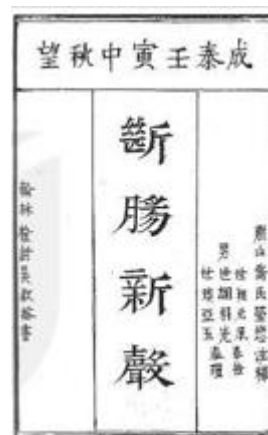
b. Sự nghiệp văn học

- Tác phẩm chữ Hán: *Thanh Hiên thi tập* (78 bài); *Nam trung tạp ngâm* (40 bài); *Bắc hành tạp lục* (132 bài)

- Tác phẩm chữ Nôm tiêu biểu: *Truyện Kiều*, *Văn tế thập loại chúng sinh*.

- Nguyễn Du được suy tôn là đại thi hào của dân tộc, được UNESCO vinh danh và kỉ niệm 250 năm ngày sinh của ông.

3.2. Tác phẩm *Truyện Kiều*



nhân vật - Sự việc - Bố cục	- Nguồn gốc cốt truyện: sáng tạo dựa trên tiểu thuyết <i>Kim Vân Kiều truyện</i> của Thanh Tâm Tài Nhân. - Ngôn ngữ, thể loại: viết bằng chữ Nôm, theo thể loại truyện thơ Nôm. - Tóm tắt tác phẩm: (HS theo dõi ở chú thích ⁽²⁾, trang 67/SGK. - Giá trị nội dung: + Giá trị nhân đạo: xót thương cho số phận bi kịch của người phụ nữ; khẳng định vẻ đẹp và giá trị của con người; trân trọng khát vọng chính đáng của họ. + Giá trị hiện thực: tố cáo, lên án thực trạng xã hội bất công, ngang trái khi mà đồng tiền và cái ác “lên ngôi”. - Giá trị nghệ thuật: xây dựng nhân vật, kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ và thể thơ, tổ chức cốt truyện. 3.3. Đoạn trích Kim – Kiều gặp gỡ - Vị trí: Nằm ở phần 1 của cốt truyện (gặp gỡ), trích từ câu 141 đến câu 184. - Nhan đề: Do người biên soạn đặt. - Hệ thống nhân vật: + Có 4 nhân vật xuất hiện trong buổi gặp gỡ đầu xuân: 3 chị em (Thúy Kiều, Thúy Vân, Vương Quan) và Kim Trọng - người bạn của Vương Quan. + Trung tâm câu chuyện là Thúy Kiều và Kim Trọng. - Sự việc: Kể lại cuộc gặp gỡ giữa Kim Trọng và Thúy Kiều nhân buổi du xuân trong tiết Thanh minh. - Bố cục đoạn trích: + 12 câu thơ đầu: Giới thiệu sự xuất hiện và đặc điểm của nhân vật Kim Trọng. + 10 câu thơ tiếp: Miêu tả tâm trạng, cảm xúc của Thúy Kiều và Kim Trọng trong buổi đầu gặp gỡ.
---	---

	+ 14 câu thơ cuối : Tâm trạng, cảm xúc của Thuý Kiều khi trở về nhà.
--	---

2.2. Hoạt động 2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

HS nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm trong đoạn trích *Kim - Kiều gặp gỡ* như: chủ đề, lời người kể chuyện và lời nhân vật, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Hành trình tìm hiểu cuộc gặp gỡ Kim – Kiều

- GV chia lớp thành 04 nhóm.
- Mỗi nhóm sẽ thực hiện hành trình tìm hiểu cuộc gặp gỡ của Kim – Kiều qua 03 trạm:
 - + **Trạm 1: Chân dung nhân vật Kim Trọng** (tối đa 05 phút)
 - + **Trạm 2: Tâm trạng và cảm xúc của Thuý Kiều và Kim Trọng trong cảnh hội ngộ** (tối đa 10 phút)
 - + **Trạm 3: Tâm trạng Thuý Kiều khi trở về khuê phòng** (tối đa 05 phút)
- Trong từng trạm, mỗi nhóm phải hoàn thành PHT tương ứng. Hoàn thành xong PHT của trạm 1, nhóm sẽ nộp sản phẩm PHT cho GV để lấy PHT trạm 2. Hoàn thành xong PHT của trạm 2, nhóm sẽ nộp sản phẩm PHT cho GV để lấy PHT trạm 3.
- Hoàn thành xong cả 3 PHT là nhóm đã hoàn thành xong Hành trình tìm hiểu cuộc gặp gỡ Kim – Kiều.
- Chỉ 02 nhóm hoàn thành xong PHT của cả 3 trạm nhanh nhất mới được quyền thuyết trình.

PHIẾU HỌC TẬP TRẠM 1: Chân dung nhân vật Kim Trọng

Đọc 12 câu thơ đầu đoạn trích *Kim - Kiều gặp gỡ*, trả lời các yêu cầu sau:

1. Nhân vật Kim Trọng được miêu tả và giới thiệu bằng lời của ai?

.....

2. Tìm hiểu chân dung nhân vật Kim Trọng bằng cách hoàn thiện “hồ sơ nhân vật” sau:

Phương diện	Chi tiết miêu tả	Nhận xét về đẹp của nhân vật Kim Trọng
Khung cảnh xuất hiện		
Ngoại hình, cử chỉ, hành động		
Xuất thân, gia thế		
Tư chất, tài năng		

PHIẾU HỌC TẬP TRẠM 2: Tâm trạng và cảm xúc của Thuý Kiều và Kim Trọng trong cảnh hội ngộ

Đọc 10 câu thơ (*Bóng hồng nhác thấy nẻo xa... Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*), hoàn thành bảng sau:

1. Phân tích diễn biến, cảm xúc của Kim – Kiều trong khi hội ngộ:

Diễn biến	Từ ngữ/ câu thơ miêu tả	Trạng thái cảm xúc
Khi lần đầu gặp gỡ		
Khi tình yêu chớm nở		
Lúc chia xa		

2. Nhận xét nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật của Nguyễn Du.

.....

PHIẾU HỌC TẬP TRẠM 3: Tâm trạng Thuý Kiều khi trở về khuê phòng

Đọc 14 câu thơ cuối đoạn trích, thực hiện các yêu cầu sau:

1. Phân tích đặc điểm của bức tranh thiên nhiên (thời gian, không gian, sự vật). Miêu tả bức tranh thiên nhiên ấy, tác giả muốn thể hiện trạng thái cảm xúc nào ở nhân vật?

.....

2. Chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật. Lời nhân vật được thể hiện ở hình thức nào và điều gì giúp em nhận biết hình thức ngôn ngữ đó?

3. Cho biết nhân vật đã bộc lộ những cảm xúc, suy nghĩ gì trong lời nói của mình.

4. Xác định đặc điểm tính cách của nhân vật Thúy Kiều được thể hiện trong đoạn thơ.

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Hành trình tìm hiểu cuộc gặp gỡ Kim – Kiều Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập (Như trên) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận theo nhóm, lần lượt hoàn thành các PHT trong từng trạm để hoàn thành hành trình tìm hiểu cuộc gặp gỡ Kim – Kiều. - GV khích lệ, hỗ trợ nếu cần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Chân dung nhân vật Kim Trọng (12 câu đầu) *Được giới thiệu và miêu tả bằng lời người kể chuyện. * Lời giới thiệu và miêu tả về nhân vật: - Khung cảnh xuất hiện: Khung cảnh thiên nhiên trong sáng, tươi đẹp: <i>“Hài văn lần bước dặm xanh, Một vùng như thể cây quỳnh, cành giao”</i> => Sự xuất hiện của chàng Kim làm bừng sáng cả không gian, khiến cảnh vật xung quanh như bừng lên vẻ đẹp hài hòa, tươi sáng. - Ngoại hình, cử chỉ, hành động: + Cử chỉ, hành động lịch thiệp, nho nhã: <i>xuống ngựa tới nơi tự tình.</i> + Trang phục, dung mạo trẻ trung, thanh lịch: <i>hài văn lần bước dặm xanh.</i> - Xuất thân, gia thế: Gia thế giàu sang, quyền quý: <i>nhà</i>

- GV tổ chức cho HS báo cáo sản phẩm, theo từng trạm.

- 02 nhóm kết thúc hành trình nhanh nhất (hoàn thành xong sớm nhất cả 03 PHT ở 3 trạm) sẽ cử đại diện thuyết trình.

- Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV đánh giá kết quả của các nhóm và cho điểm.

GV chuẩn hóa kiến thức.

trâm anh, nền phú hậu.

- **Tư chất, tài năng:** Tư chất thông minh, tài năng văn chương xuất chúng: *văn chương nét đất, thông minh tính trời.*

=>**Nhận xét:**

- Nguyễn Du đã dẫn dắt người đọc đi từ vẻ đẹp ngoại hình đến vẻ đẹp của phẩm cách và tâm hồn nhân vật. Nhà thơ không giấu nổi niềm ngưỡng mộ, ngợi ca nhân vật qua những lời thơ với ngôn ngữ trang trọng.

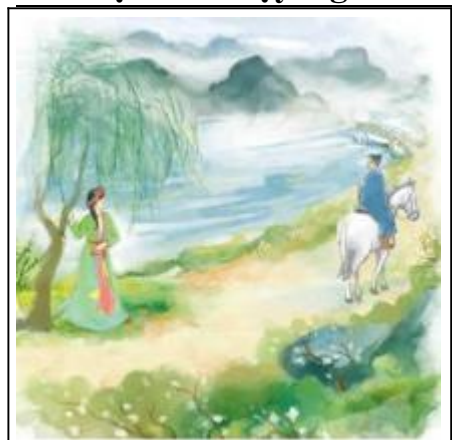
- Chân dung Kim Trọng toát lên vẻ hào hoa, lịch lãm và phong nhã; mang vẻ đẹp hoàn hảo, lí tưởng của mẫu người tài tử, văn nhân thời xưa. Sự kết hợp giữa yếu tố tĩnh (ngoại hình) và yếu tố động (cử chỉ, hành động) tạo nên bức chân dung thống nhất, hoàn mĩ.

2. Tâm trạng, cảm xúc của Thuý Kiều, Kim Trọng trong buổi hội ngộ (10 câu tiếp)

- Cuộc gặp gỡ đầu xuân có 4 nhân vật nhưng Nguyễn Du tập trung khám phá, thể hiện tâm trạng, cảm xúc của hai nhân vật chính: Kim Trọng và Thuý Kiều.

- Tâm trạng, cảm xúc của Kim – Kiều khi hội ngộ lần đầu:

Diễn biến	Từ ngữ/ câu thơ miêu tả	Trạng thái cảm xúc
Khi lần đầu gặp gỡ	<i>...Xuân lan thu cúc mặn mà cả hai</i>	Ấn tượng đầu tiên của Kim Trọng khi gặp gỡ là: cảm giác ngỡ ngàng, ngưỡng mộ trước vẻ đẹp <i>mặn mà</i> , đầm thắm của hai chị em Thuý Kiều.

	Khi tình yêu chớm nở Tình trong như đã mặt ngoài còn e ↓ Chập chờn con tình con mê ↓ Rón ngòi chẳng tiện dứt về chĩn khôn	Trạng thái ngại ngùng, bối rối, e ấp ↓ Trạng thái đắm say, mãnh liệt ↓ Sự quyến luyến chẳng muốn chia xa => Những ràng buộc của lễ giáo không ngăn cản được hai tâm hồn trẻ trung, khao khát tình yêu và hạnh phúc.
	Lúc chia xa Khách đà lên ngựa người còn ghé theo Dưới cầu nước chảy...thướt tha	- Tâm trạng vấn vương, không rời của cả hai người. Người trong cuộc không lên tiếng nhưng hành động dửng dăng của khách lên ngựa, đôi mắt dõi theo của người đứng trông đã thể hiện sâu sắc cảm giác lưu luyến, muốn nín kéo mãi phút giây gặp gỡ. - Tình yêu giăng mắc lên cả cảnh vật thiên nhiên,

		khiến nhịp cầu, dòng nước, tơ liễu và bóng chiều cũng trở nên thơ mộng, trữ tình hơn.
--	--	---

=> **Nhận xét:**

+ Nguyễn Du đã tái hiện thật tài tình những cung bậc tâm trạng của lứa đôi buổi đầu gặp gỡ. Cả Kim – Kiều đều có những rung động mãnh liệt ngay từ khi nhìn thấy đối phương. Những cảm xúc e ấp, ngại ngùng, say đắm, quyến luyến, vẩn vơ buổi đầu đó báo hiệu trước một mối tình đẹp chớm nở trong lòng cả hai người.

+ Nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật của Nguyễn Du: sử dụng ngôn ngữ dân tộc (đa số từ thuần Việt), kết hợp miêu tả trực tiếp cảm xúc của nhân vật với bút pháp tả cảnh ngụ tình.

3. Tâm trạng của Thúy Kiều khi trở về khuê phòng (14 câu cuối)

- **Bút pháp tả cảnh ngụ tình:** Tâm trạng Thuý Kiều được miêu tả trên nền khung cảnh đêm trăng êm đềm, thơ mộng:

+ Thời gian: chuyển dần từ chiều muộn sang đêm tối.

+ Không gian: mở rộng từ khuê phòng của người thiếu nữ ra không gian xung quanh.

+ Sự vật: nhân hóa *gương nga* (vàng trắng) *dòm song*; *vàng gieo ngấn nước* (ánh trăng vàng chiếu rọi xuống mặt nước); vòm cây trước sân; cây hải đường lá bóng; giọt sương gieo nặng trên cành lá;...

→ Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, tràn đầy xuân sắc, ngập tràn sắc vàng lộng lẫy của ánh trăng.

→ Thiên nhiên phản chiếu nỗi niềm băng khuâng, xao

	xuyến và cảm giác hân hoan, rạo rực của người thiếu nữ bắt đầu yêu. - Lời người kể chuyện và lời của nhân vật: + Lời người kể chuyện: qua lời tả thiên nhiên để ngụ ý cảm xúc con người, qua lời kể hành động và diễn biến tâm lí nhân vật. → Miêu tả tâm trạng bồi hồi, ngổn ngang nhiều nỗi niềm tâm sự của Thuý Kiều + Lời độc thoại nội tâm của nhân vật (4 câu thơ trong dấu ngoặc kép): “<i>Người mà đến thế thì thôi [...] Trăm năm biết có duyên gì hay không?</i>” → Lời độc thoại nội tâm giúp Thuý Kiều bộc lộ những cảm xúc tinh tế, phức tạp một cách sâu sắc, trọn vẹn hơn. Đó là sự cộng hưởng hai cảm xúc vừa thống nhất vừa đối lập: ++ Nỗi xót xa, thương cảm cho số phận bi kịch của nàng Đạm Tiên, niềm trăn trở về giá trị cuộc sống: <i>Người mà đến thế thì thôi/ Đời phồn hoa cũng là đời bỏ đi.</i> ++ Niềm băng khuâng, xao xuyến, chan chứa hi vọng nhưng cũng pháp phảng lo âu khi nghĩ đến Kim Trọng: <i>Người đâu gặp gỡ làm chi/ Trăm năm biết có duyên gì hay không?</i> => Nhân xét: - Nguyễn Du đã sử dụng nhiều phương tiện như lời người kể chuyện, lời nhân vật, bút pháp tả cảnh ngụ tình để thể hiện thế giới nội tâm của nhân vật Thuý Kiều. - Qua đoạn thơ cuối, người đọc thấy được vẻ đẹp tính cách của nhân vật Thuý Kiều: Kiều là cô gái giàu lòng trắc ẩn, thương người, đa cảm, có khát khao tình yêu song cũng mang nhiều nỗi lo âu, trăn trở.
--	--

2.3. Hoạt động 2.3. Hướng dẫn Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - HS trao đổi theo cặp trong bàn: Thảo luận Phiếu học tập số 03 để tìm hiểu những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích: <table border="1"> <tr> <td>Đặc sắc nội dung đoạn trích</td><td> - Chủ đề của đoạn trích? - Nhận xét tư tưởng, tình cảm của tác giả. </td></tr> <tr> <td>Đặc sắc nghệ thuật đoạn trích</td><td> Nhận xét về: - Nghệ thuật xây dựng nhân vật - Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ </td></tr> </table> - Em rút ra những lưu ý gì khi đọc hiểu đoạn trích truyện thơ Nôm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn	Đặc sắc nội dung đoạn trích	- Chủ đề của đoạn trích? - Nhận xét tư tưởng, tình cảm của tác giả.	Đặc sắc nghệ thuật đoạn trích	Nhận xét về: - Nghệ thuật xây dựng nhân vật - Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ	III. TỔNG KẾT 1. Đặc sắc nội dung - Chủ đề: Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, của tuổi trẻ và tình yêu tự do. - Thể hiện sự đồng cảm, đồng tình với khát vọng tình yêu; tình yêu thương và sự trân trọng con người, đặc biệt là người phụ nữ của nhà thơ Nguyễn Du. 2. Đặc sắc nghệ thuật - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: khắc hoạ nhân vật ở cả hai phương diện: con người ngoại hiện với ngoại hình, cử chỉ, hành động và con người nội cảm với chiều sâu tâm lí. Tác giả kết hợp nhiều phương tiện nghệ thuật để khắc hoạ nhân vật: lời kể của người kể chuyện, lời độc thoại nội tâm của nhân vật, bút pháp tả cảnh ngụ tình,... - Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ: kết hợp nhuần nhuyễn từ Hán Việt và từ thuần Việt, khai thác giá trị biểu cảm của lớp từ láy trong việc tả cảnh thiên nhiên và nội tâm con người. 3. Lưu ý về cách đọc hiểu một đoạn trích truyện thơ Nôm Khi đọc hiểu một đoạn trích trong truyện thơ Nôm, cần lưu ý một số điều sau: - Xác định được vị trí của đoạn trích trong tác phẩm, bố cục của đoạn trích. - Phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật.
Đặc sắc nội dung đoạn trích	- Chủ đề của đoạn trích? - Nhận xét tư tưởng, tình cảm của tác giả.				
Đặc sắc nghệ thuật đoạn trích	Nhận xét về: - Nghệ thuật xây dựng nhân vật - Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ				

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	- Khái quát được đặc điểm nhân vật và chủ đề của đoạn trích. - Chỉ ra những nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật và sử dụng ngôn ngữ của nhà thơ.
---	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. **Tổ chức thực hiện:**

3.1. Nhiệm vụ 1: Làm thẻ đồ

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Mỗi nhóm soạn 05 câu đố xoay quanh tác giả Nguyễn Du và nội dung, nghệ thuật đoạn trích *Kim – Kiều gặp gỡ*.
- Thiết kế và viết câu đố vào các thẻ. Có thể dùng giấy A4 màu để làm thẻ đố, mỗi nhóm 1 màu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc theo nhóm, soạn câu hỏi và thiết kế thẻ đồ tri thức

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV tổ chức cho các nhóm bốc thăm và thi đố.
- + Mỗi nhóm sẽ có 02 lượt bốc thăm thẻ đố ngẫu nhiên (Được chọn bốc thăm thẻ của 1 trong 3 nhóm) và trả lời.
- + Trả lời đúng 1 câu hỏi sẽ có 10 điểm. Nếu nhóm bốc thăm không trả lời được thì 2 nhóm còn lại sẽ trả lời để giành điểm (nhóm ra câu hỏi không được quyền trả lời).

Lượt thi đố	Kết quả
Nhóm 1	
Nhóm 2	
Nhóm 3	
Nhóm 4 -	

- Các nhóm trả lời câu đố theo các bộ thẻ đố.

Bước 4: Kết luận, nhận định

3.2. Nhiệm vụ 2: Viết kết nối với đọc

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập:

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích 2 - 4 dòng thơ miêu tả thiên nhiên mà em cho là đặc sắc trong đoạn trích *Kim - Kiều gặp gỡ*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS viết nhanh tại lớp trong thời gian 10 phút.
- GV cung cấp bảng kiểm cho HS.

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 7 – 9 câu.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề: phân tích 2 - 4 dòng thơ miêu tả thiên nhiên trong đoạn trích.		
3	Đoạn văn có câu chủ đề.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS trình bày đoạn văn của mình.
- Các HS khác lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.
- HS tự kiểm tra mức độ đạt yêu cầu của đoạn văn của mình.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

Đoạn văn tham khảo:

Một trong những thành công đặc sắc về phương diện nghệ thuật của đoạn trích *Kim - Kiều gặp gỡ* là bút pháp tả cảnh ngụ tình – miêu tả thiên nhiên nhằm thể hiện tâm trạng của nhân vật. Đọc đoạn trích, em đặc biệt ấn tượng với hai câu thơ miêu tả không gian xung

quanh khuê phòng của Thúy Kiều: “*Gương nga chênh chếch dòm song, / Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân*”. Hai câu thơ miêu tả khung cảnh đêm trăng êm đềm, thơ mộng. Phép nhân hóa ánh trăng biết dòm nhìn song cửa; từ láy ‘chênh chếch’ chỉ hành động hơi nghiêng về một phía. Vàng trăng cũng giống như nàng Thúy Kiều, tựa đầu cửa sổ, hướng tâm tư đến chàng Kim Trọng nơi xa với nỗi tương tư trong lòng. Không gian được mở rộng từ khuê phòng của người thiếu nữ đến bầu trời rộng lớn, mặt nước long lanh, vòm cây trước sân, tất cả đang ngập tràn sắc vàng lồng lẩy của ánh trăng. Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, tràn đầy xuân sắc phản chiếu nỗi niềm băng khuâng, xao xuyến và cảm giác hân hoan, rạo rực của người thiếu nữ bắt đầu yêu. Tất cả được tạo nên bởi ngòi bút điêu luyện của vị đại thi hào dân tộc.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

1. Em có dự đoán gì về mối tình giữa Kim Trọng và Thúy Kiều sau đoạn trích?

Tìm đọc tác phẩm Truyện Kiều, chép những câu thơ/ đoạn trích hay về mối tình Kim – Kiều.

2. HS vẽ tranh hoặc đóng kịch theo cảm nhận và hình dung của mình

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV quan sát, khích lệ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.

Tuần: 7

Tiết: 28

Ngày soạn: 13/10/2025

Ngày dạy: 22/10/2025

KẾ HOẠCH DẠY HỌC BÀI THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CHỮ NÔM

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS có một số hiểu biết sơ giản về chữ Nôm trong tiếng Việt. Hiểu được quá trình hình thành, phát triển và vai trò của chữ Nôm trong nền văn hoá dân tộc.

2. Năng lực

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù: HS có một số hiểu biết sơ giản về chữ Nôm trong tiếng Việt.

3. Phẩm chất

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

***HSKT**: HS có một số hiểu biết sơ giản về chữ Nôm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Ti vi , bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *Cách 1: PP vấn đáp Yêu cầu: Trong bài diễn thuyết bằng quốc văn đọc tại buổi lễ kỷ niệm Nguyễn Du nhân ngày mất của nhà thi hào, học giả Phạm Quỳnh (1892 - 1945) khi đó đang là Tổng thư ký Hội Khai Trí Tiến Đức đồng thời là chủ bút báo Nam Phong có câu nói: <i>“Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn”</i>. Em hiểu gì về câu nói	*Cách 1: - Câu nói của ông chủ bút Nam Phong: : <i>“Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn”</i> đã ca ngợi giá trị của tác phẩm Truyện Kiều (Nguyễn Du), đề cao chữ Nôm – tiếng nói của dân tộc. - Hiểu hơn vai trò của chữ Nôm: sự tồn tại của chữ Nôm, rộng ra là chữ viết dân tộc là minh chứng sống động cho ý thức dân tộc. *Cách 2: Qua video, ta thấy được lí do mà

của ông chủ bút báo Nam Phong? Qua đó, em hiểu gì về vai trò của chữ Nôm đối với dân tộc? *Cách 2: Xem video - GV cho HS xem 1 đoạn video clip (từ 1p15 đến 3p50) giới thiệu về sự hình thành của chữ Nôm trong đời sống văn hoá của người Việt. Link video: https://www.youtube.com/watch?v=ktBmOIXZCtw - Yêu cầu: Qua video, em hãy cho biết lí do mà cha ông ta sáng tạo ra chữ Nôm. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân, thực hiện yêu cầu Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV mời HS xung phong trả lời. Bước 4: Kết luận, nhận định	cha ông ta sáng tạo ra chữ Nôm xuất phát từ ý thức dân tộc lớn lao, muốn sáng tạo ra một chữ viết riêng để ghi lại tiếng mẹ đẻ, nhằm chiến thắng âm mưa đồng hóa của văn hóa Hán.
--	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. **Mục tiêu:** HS hiểu biết sơ giản về nguồn gốc, quá trình hình thành, phát triển và vai trò của chữ Nôm trong nền văn hoá dân tộc.

b. **Tổ chức thực hiện:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc và tóm tắt nội dung về chữ Nôm trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> (tr. 66) và khung <i>Sơ giản về chữ Nôm</i>	I. LÝ THUYẾT 1. Nguồn gốc, quá trình hình thành chữ Nôm <table border="1"> <tr> <td>Nguồn gốc, mục đích sử dụng</td><td>Chữ Nôm là chữ viết cổ dùng để ghi âm tiếng Việt, được cha ông ta sáng tạo dựa theo kí hiệu văn tự Hán.</td></tr> <tr> <td>Thời điểm</td><td>- Chữ Nôm được hình thành vào khoảng</td></tr> </table>	Nguồn gốc, mục đích sử dụng	Chữ Nôm là chữ viết cổ dùng để ghi âm tiếng Việt, được cha ông ta sáng tạo dựa theo kí hiệu văn tự Hán.	Thời điểm	- Chữ Nôm được hình thành vào khoảng
Nguồn gốc, mục đích sử dụng	Chữ Nôm là chữ viết cổ dùng để ghi âm tiếng Việt, được cha ông ta sáng tạo dựa theo kí hiệu văn tự Hán.				
Thời điểm	- Chữ Nôm được hình thành vào khoảng				

trong SGK (tr. 71). Hoàn thành **PHT số 01** sau:

1. Nguồn gốc, quá trình hình thành chữ Nôm

Nguồn gốc, mục đích sử dụng

Thời điểm hình thành

Vai trò, ý nghĩa

Thành tựu văn học

2. Phương thức cấu tạo chữ Nôm

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, trả lời cá nhân.
- GV khuyến khích HS có thể trình bày câu trả lời bằng sơ đồ.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

- Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.
- Các cặp khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.

hình thành

thế kỉ X và được sử dụng để sáng tác văn học từ khoảng thế kỉ XII - XIII.

Vai trò, ý nghĩa

- Sự ra đời của chữ Nôm thể hiện tinh thần tự cường, tự tôn dân tộc.
- Chữ Nôm góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của nền văn học và văn hoá dân tộc.

Thành tựu văn học

- Thơ Nôm Đường luật (Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Bình Khiêm, Bà Huyện Thanh Quan, Trần Tế Xương...);
- Truyện thơ Nôm (Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Phạm Thái...);
- Ngâm khúc (Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Gia Thiều, Cao Bá Nhạ...);
- Hát nói (Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Chu Mạnh Trinh,...).

2. Phương thức cấu tạo chữ Nôm

Chữ Nôm được cấu tạo theo hai phương thức chính:

- Phương thức vay mượn: dùng chữ Hán có sẵn để ghi âm tiết tiếng Việt giống hoặc gần giống âm Hán Việt của chữ Hán đó.
- Phương thức tự tạo: kết hợp kí hiệu văn tự Hán với kí hiệu chỉnh âm để tạo ra một chữ Nôm.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức về chữ Nôm.

b. Tổ chức hoạt động

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm												
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Bài tập 1: Làm việc cá nhân. - Bài tập 2: Làm việc theo cặp đôi. - Bài tập 3: chia sẻ theo kĩ thuật Think – pair – share. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS lần lượt thực hiện các yêu cầu mà GV đã phân công. - GV quan sát, động viên, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện HS/ đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	II. THỰC HÀNH 1. Bài tập 1 (Tr 71/SHS) Việc sáng tạo chữ Nôm đã thể hiện những tư tưởng, khát vọng của cha ông xưa: - Tư tưởng khẳng định sự tự chủ, tự cường của dân tộc. - Khát vọng xây dựng nền văn học tiếng Việt, góp phần phát triển văn học, văn hoá dân tộc. 2. Bài tập 2 (Tr 71/SHS) <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thể loại</th><th>Tác phẩm chữ Nôm đặc sắc</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thơ Nôm Đường luật</td><td><i>Quốc âm thi tập</i> (Nguyễn Trãi); <i>Tự tình, Đề đền Sầm Nghi Đống</i>,... (Hồ Xuân Hương); <i>Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh</i>,... (Nguyễn Khuyến);...</td></tr> <tr> <td>Ngâm khúc</td><td><i>Chinh phụ ngâm khúc</i> (bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?)); <i>Cung oán ngâm khúc</i> (Nguyễn Gia Thiều);...</td></tr> <tr> <td>Truyện thơ Nôm</td><td><i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du), <i>Sơ kính tân trang</i> (Phạm Thái), <i>Truyện Lục Vân Tiên</i> (Nguyễn Đình Chiểu),...</td></tr> <tr> <td>Văn tế</td><td><i>Văn tế thập loại chúng sinh</i> (Nguyễn Du), <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> (Nguyễn Đình Chiểu);...</td></tr> <tr> <td>Hát nói</td><td><i>Bài ca ngất ngưỡng, Làm cho tỏ mặt nam nhi</i> (Nguyễn Công Trứ); <i>Uống rượu tiêu sầu, Ngán đời, Thanh nhàn là lãi, Tài hoa là nợ</i> (Cao Bá Quát),...</td></tr> </tbody> </table> 3. Bài tập 3 (Tr 71/SHS) - HS trả lời theo trải nghiệm và quan điểm cá nhân	Thể loại	Tác phẩm chữ Nôm đặc sắc	Thơ Nôm Đường luật	<i>Quốc âm thi tập</i> (Nguyễn Trãi); <i>Tự tình, Đề đền Sầm Nghi Đống</i> ,... (Hồ Xuân Hương); <i>Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh</i> ,... (Nguyễn Khuyến);...	Ngâm khúc	<i>Chinh phụ ngâm khúc</i> (bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?)); <i>Cung oán ngâm khúc</i> (Nguyễn Gia Thiều);...	Truyện thơ Nôm	<i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du), <i>Sơ kính tân trang</i> (Phạm Thái), <i>Truyện Lục Vân Tiên</i> (Nguyễn Đình Chiểu),...	Văn tế	<i>Văn tế thập loại chúng sinh</i> (Nguyễn Du), <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> (Nguyễn Đình Chiểu);...	Hát nói	<i>Bài ca ngất ngưỡng, Làm cho tỏ mặt nam nhi</i> (Nguyễn Công Trứ); <i>Uống rượu tiêu sầu, Ngán đời, Thanh nhàn là lãi, Tài hoa là nợ</i> (Cao Bá Quát),...
Thể loại	Tác phẩm chữ Nôm đặc sắc												
Thơ Nôm Đường luật	<i>Quốc âm thi tập</i> (Nguyễn Trãi); <i>Tự tình, Đề đền Sầm Nghi Đống</i> ,... (Hồ Xuân Hương); <i>Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh</i> ,... (Nguyễn Khuyến);...												
Ngâm khúc	<i>Chinh phụ ngâm khúc</i> (bản dịch của Đoàn Thị Điểm (?)); <i>Cung oán ngâm khúc</i> (Nguyễn Gia Thiều);...												
Truyện thơ Nôm	<i>Truyện Kiều</i> (Nguyễn Du), <i>Sơ kính tân trang</i> (Phạm Thái), <i>Truyện Lục Vân Tiên</i> (Nguyễn Đình Chiểu),...												
Văn tế	<i>Văn tế thập loại chúng sinh</i> (Nguyễn Du), <i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i> (Nguyễn Đình Chiểu);...												
Hát nói	<i>Bài ca ngất ngưỡng, Làm cho tỏ mặt nam nhi</i> (Nguyễn Công Trứ); <i>Uống rượu tiêu sầu, Ngán đời, Thanh nhàn là lãi, Tài hoa là nợ</i> (Cao Bá Quát),...												

	- Ngày nay, <i>Truyện Kiều</i> chủ yếu được lưu truyền qua các VB chữ quốc ngữ vì đa số người đọc không đọc được chữ Nôm. Tuy nhiên, việc bảo tồn những VB <i>Truyện Kiều</i> bằng chữ Nôm rất quan trọng, nó không chỉ phục vụ cho việc nghiên cứu chữ Nôm mà còn đóng vai trò lưu giữ giá trị văn hoá truyền thống dân tộc.
--	---

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức về chữ Nôm để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

b. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Em hãy nêu vai trò của chữ Nôm trong thời kì trung đại. - Theo em, tại sao ngày nay chữ Nôm không còn được sử dụng phổ biến như xưa? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện yêu cầu. - GV quan sát, động viên, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện HS trình bày sản phẩm. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	- Vai trò của chữ Nôm thời trung đại: Chữ Nôm phản ánh ý chí tự chủ, tự cường; đóng vai trò nâng cao vị thế của tiếng Việt; góp phần quan trọng vào việc phát triển nền văn học, văn hoá dân tộc. - Lí do chữ Nôm không còn được sử dụng phổ biến: Chữ Nôm là chữ tượng hình, cách viết, cách đọc phức tạp, hơn nữa lại không theo một quy tắc thống nhất; cấu tạo của chữ Nôm không giúp người đọc đánh vần theo cách ghép âm đầu, vần, thanh điệu để đọc như chữ quốc ngữ; muốn đọc được chữ Nôm thì phải có hiểu biết về chữ Hán. Bởi thế, khi chữ quốc ngữ xuất hiện, nó dần thay thế vị trí của chữ Nôm.

Tuần: 8

Tiết: 29,30

Ngày soạn: 13/10/2025

Ngày dạy: 26,27/10/2025

VĂN BẢN 2: LỤC VÂN TIÊN ĐÁNH CƯỚP, CỨU KIỀU

NGUYỆT NGÀ

(Trích *Truyện Lục Vân Tiên*) - NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức :

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm trong đoạn trích *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga* như: chủ đề, lời người kể chuyện và lời đối thoại của nhân vật, nghệ xây dựng nhân vật, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ.

2. Năng lực

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù: Phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học

3. Phẩm chất

HS bồi đắp cảm xúc thâm mỹ và quan điểm sống đúng đắn, cao đẹp.

***HSKT**: Nhận biết được một số yếu tố của truyện thơ Nôm

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Tổ chức thực hiện hoạt động:**

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: Kỹ thuật trình bày 01 phút ? Nhân vật anh hùng mà em yêu thích là ai? Điều gì ở nhân vật ấy gây ấn tượng với em nhất?	Cách 1: HS chia sẻ về một nhân vật anh hùng. Có thể là nhân vật anh hùng trong các bộ phim hoặc người anh hùng trong đời thường. Ví dụ:

Cách 2: Xem video GV mở cho HS xem đoạn tài liệu về Nguyễn Đình Chiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu. (Đường link: https://www.youtube.com/watch?v=dPqcCnOxKUU) Câu hỏi: <i>Qua video trên, em có nhận xét gì về cuộc đời, con người nhà văn Nguyễn Đình Chiểu?</i> Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và trả lời cá nhân. - GV quan sát, khích lệ Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Đánh giá, kết luận	- Các vị anh hùng kiếm hiệp trong tiểu thuyết của nhà văn Kim Dung (Trung Quốc): Lệnh Hồ Xung (<i>Tiểu ngạo giang hồ</i>), Dương Quá (<i>Thần Điêu đại hiệp</i>), Quách Tĩnh (<i>Anh hùng xạ điêu</i>),... - Trong đời thường, có nhiều anh hùng vô danh giúp đỡ người yếu thế. Lưu ý: Anh hùng là người có tài năng, sức mạnh, dũng khí phi thường, lập nên những công trạng lớn lao. Thời kì nào cũng có và cũng cần tôn vinh những người anh hùng. Cách 2: Nhận xét về tác giả Nguyễn Đình Chiểu: - Một con người chịu nhiều bất hạnh, thiệt thòi; - Là người có ý chí, nghị lực phi thường; - Là người giàu lòng yêu nước thương dân.
--	---

GV dẫn vào bài mới: Cuộc sống chúng ta luôn đan xen giữa điều thiện và điều ác, người tốt và người xấu. Thật may mắn vì cuộc đời luôn có những người anh hùng hào hiệp, ra tay giúp đỡ người yếu thế trước bất công và cái ác mà không mong cầu trả ơn. Và hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên trong đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* (trích *Truyện Lục Vân Tiên* – Nguyễn Đình Chiểu) là mẫu anh hùng như vậy.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

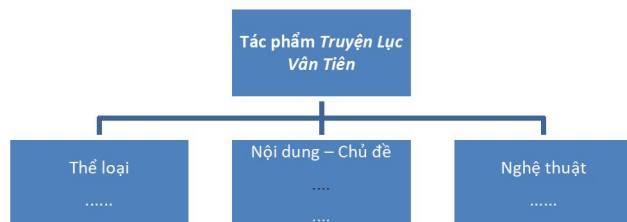
2.1. Hoạt động 2.1. Đọc - khám phá chung

a. Mục tiêu : Hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm hiểu chung về tác giả Nguyễn Đình Chiểu, tác phẩm *Lục Vân Tiên*, đoạn trích *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga*.

b. Tổ chức thực hiện

Phiếu học tập số 01: Tìm hiểu chung	
Câu hỏi	Đáp án

1. Thông tin nào sau đây không chính xác khi nói về tiểu sử tác giả Nguyễn Đình Chiểu? A. Quê gốc ở tỉnh Thừa Thiên (nay là tỉnh Thừa Thiên Huế) nhưng sinh tại quê mẹ ở phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (nay thuộc TP. HCM) B. Đỗ tú tài năm 1843 C. Ông làm quan cho đến khi thực dân Pháp xâm lược. D. Ông tham gia phong trào kháng chiến chống giặc Pháp.	
2. Nhận định sau Đúng hay Sai? <i>“Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu nhiều bất hạnh, nhưng ông vẫn vượt lên nghịch cảnh, trở thành tấm gương về nghị lực sống phi thường, khí tiết thanh cao và lòng yêu nước tha thiết, mãnh liệt.”</i> A. Đúng B. Sai	
3. Kể nhanh những tác phẩm truyện thơ Nôm tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu.	
4. Nêu một nhận định khái quát về vị trí văn học của Nguyễn Đình Chiểu.	
5. Điền vào chỗ trống: <i>Năm 2001, Nguyễn Đình Chiểu được UNESCO ra nghị quyết vinh danh và kỉ niệm năm ngày sinh của ông.</i>	
6. Hoàn thành sơ đồ sau về những hiểu biết về tác phẩm <i>Truyện Lục Vân Tiên</i>:	



HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: Hướng dẫn đọc văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn trích: Giọng chậm rãi, rõ ràng, phân biệt rõ lời người kể chuyện và lời các nhân vật. - GV đọc mẫu, sau đó gọi một HS đọc, rồi cho một vài học sinh nhận xét cách đọc của bạn. - GV lưu ý HS trong quá trình đọc chú ý các thể chiến lược đọc (thể theo dõi, thể hình dung). - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích và giải thích từ khó. Chú ý một số từ ngữ địa phương, từ Hán Việt, điển tích, điển cố. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB. - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện 1 số HS đọc VB. - Các HS khác nhận xét. Bước 4. Đánh giá, kết luận	I. ĐỌC – KHÁM PHÁ CHUNG 1. Đọc văn bản - Đọc văn bản. - Tìm hiểu chú thích, từ khó hiểu.
Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả Nguyễn Đình	2. Tác giả Nguyễn Đình Chiểu

Chiều và tác phẩm Truyện Lục Vân Tiên

*** Cách 1:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu **nhóm 1** lên báo cáo sản phẩm học tập tìm hiểu về tác giả **Nguyễn Đình Chiểu**. Có thể tổ chức như sau: **Phỏng vấn MC – tác giả**

Chuyên mục “Người nổi tiếng”



Đóng vai phỏng vấn 1 MC – 1 HS để tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp của tác giả Nguyễn Đình Chiểu:

- + Xuất thân, quê quán
- + Vị trí văn học
- + Cuộc đời
- + Tác phẩm chính

- GV mời **nhóm 2** cử đại diện lên trình bày một số thông tin về tác phẩm **Truyện Lục Vân Tiên** (Thể loại; nguồn gốc đề tài, cốt truyện; nội dung – chủ đề; đặc sắc nghệ thuật).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Đánh giá, kết luận

***Cách 2: Trò chơi “Cặp đôi thông thái”:**



- Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888) quê gốc ở tỉnh Thừa Thiên (nay là Thừa Thiên Huế) nhưng sinh ra và lớn lên ở quê mẹ là tỉnh Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh).

- Nguyễn Đình Chiểu là một trong những nhà văn Nam Bộ xuất sắc nhất thời trung đại.

- Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu trải qua nhiều thăng trầm. Ông là tấm gương về nghị lực sống phi thường, khí tiết thanh cao, lòng yêu nước tha thiết, mãnh liệt: “*Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm/ Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà*”.

- Nguyễn Đình Chiểu để lại di sản văn chương đồ sộ, gồm nhiều tác phẩm truyện thơ Nôm, văn tế và thơ Đường luật.

+ Các tác phẩm truyện thơ Nôm: *Truyện Lục Vân Tiên*, *Dương Từ - Hà Mậu*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*.

+ Văn tế: *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Văn tế Trương Định*,...

+ Thơ Đường luật: *Chạy giặc*, *Xúc*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, hãy điền nhanh các thông tin vào **Phiếu học tập số 01** để tìm hiểu chung về tác giả Nguyễn Đình Chiểu và tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên*.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

+ Học sinh theo dõi Phiếu học tập trên màn hình và thảo luận theo cặp hoàn thiện trong thời gian tối đa **03 phút**

+ Giáo viên khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV mời 02 cặp đôi hoàn thành xong sớm nhất sẽ dán PHT lên bảng.

Mời 01 HS làm thư kí để tính điểm cho các HS.

Các HS khác lắng nghe, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide.

cảnh,...

3. Tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên*



- **Thể loại:** truyện thơ Nôm, gồm 2082 câu thơ lục bát.

- **Đề tài, cốt truyện:** từ thực tế cuộc đời tác giả Nguyễn Đình Chiểu.

- **Nội dung:** Kể về cuộc đời Lục Vân Tiên - một chàng trai khôi ngô tuấn tú, văn võ song toàn, tài trí, nghĩa hiệp. Gặp nhiều trắc trở trong cuộc sống nhưng Vân Tiên đã vượt qua, lập được công trạng lớn lao, có kết cục hạnh phúc viên mãn bên nàng Kiều Nguyệt Nga.

- **Chủ đề:**

+ Ngợi ca những con người hiếu thảo, nhân hậu, thủy chung, nghĩa khí; lên án những kẻ bất nhân, phi nghĩa, tráo trở.

+ Thể hiện ước mơ của nhân dân về mẫu người anh hùng “cứu khổ, phò

	nguy” và khát vọng công lí. - Nghệ thuật: + Nghệ thuật xây dựng nhân vật có tính cách rõ nét, sinh động. + Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ: ngôn ngữ mộc mạc, gần gũi với lời ăn tiếng nói của nhân dân; kết hợp tính cổ điển, bác học với chất dân gian và đậm đà màu sắc Nam Bộ.
Thao tác 3: Tìm hiểu về đoạn trích Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ <i>GV mời nhóm 3 được giao nhiệm vụ chuẩn bị về phần khám phá chung đoạn trích cử đại diện lên báo cáo kết quả, hướng dẫn HS cả lớp khám phá chung về đoạn trích Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga:</i> Trò chơi: “Hỏi xoáy đáp xoay” HS đại diện nhóm sẽ làm MC yêu cầu HS dưới lớp lần lượt trả lời các câu hỏi ngắn: 1. Nêu vị trí của đoạn trích <i>Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga</i>. 2. Xác định sự việc được kể, các nhân vật được miêu tả và mối quan hệ giữa các nhân vật trong đoạn trích. 3. Nêu bố cục của đoạn trích và nội dung chính của từng phần.	4. Đoạn trích <i>Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga</i> a. Vị trí đoạn trích Đoạn trích nằm ở phần đầu tác phẩm (phần <i>Gặp gỡ</i>), gồm 44 câu, từ câu 123 đến câu 180 (có lược bớt một số câu). b. Hệ thống nhân vật và sự việc được kể - Hệ thống nhân vật: + Lục Vân Tiên: người anh hùng đánh cướp. + Phong Lai và bè lũ: bọn cướp. + Kiều Nguyệt Nga, thị nữ Kim Liên: người gặp nạn, được Lục Vân Tiên cứu giúp. → Đoạn trích tái hiện mô-típ anh

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét phần chuẩn bị sản phẩm học tập, phần dẫn dắt của MC. - GV chuẩn hoá kiến thức về văn bản.	hùng tiêu diệt kẻ cướp cứu mỹ nhân. - Sự việc được kể: Lục Vân Tiên trừng trị bọn cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga c. Bố cục: 02 phần - Phần 1: 14 câu thơ đầu (<i>Vân Tiên ghé lại bên đàng... Bị Tiên một gậy thác rày thân vong</i>): Lục Vân Tiên tả đột hữu xông đánh bọn cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga. - Phần 2: Còn lại: Cuộc trò chuyện giữa Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.
--	--

2.2. Hoạt động 2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm trong đoạn trích *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga* như: chủ đề, lời người kể chuyện và lời đối thoại của nhân vật, nghệ xây dựng nhân vật, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ.
- Kết nối VB với thực tế đời sống, từ đó bồi đắp cảm xúc thẩm mỹ và quan điểm sống đúng đắn, cao đẹp.

b. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 04 nhóm Hoạt động thảo luận nhóm theo kĩ thuật Khăn trải bàn: Thời gian 05 phút	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Hình tượng Lục Vân Tiên a. Khi Lục Vân Tiên đánh cướp

- Nhóm 1, 2: Tìm hiểu hình tượng Lục Vân Tiên – Hoàn thành PHT số 2.1:		 	
PHT số 2.1: Hình tượng Lục Vân Tiên			
a. Lục Vân Tiên đánh cướp			
- Lí do trừng trị bọn cướp		- Lí do đánh cướp: Lục Vân Tiên trừng trị bọn cướp để bảo vệ cuộc sống yên bình của người dân. Chàng bất bình trước hành động ngang ngược của bọn cướp, xót thương cho những người dân lành bị ức hiếp: <i>Kêu rằng: “Bớ đảng hung đồ/ Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”</i>. - Phẩm chất, tính cách của nhân vật: + Lời nói: “<i>bớ đảng hung đồ... hồ đồ hại dân</i>” → thể hiện sự cương trực, thẳng thắn dám lên tiếng phê phán lũ giặc cướp hồ đồ hại dân; thể hiện tấm lòng nhân hậu, tinh thần nghĩa hiệp. + Hành động: <i>Ghé lại bên đàng, bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô</i> → Liệt kê các hành động thể hiện sự mạnh mẽ, dứt khoát với tinh thần đầy nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên khi một mình đối đầu với lũ cướp hung hãn, chỉ với vũ khí thô sơ. + Tài năng: Hành động <i>tả đột hữu xung</i> và biện pháp so sánh <i>Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dương</i> làm nổi bật tài năng võ nghệ cao cường của Vân Tiên, chàng như một mãnh tướng đang tung hoành giữa đám cướp và làm chủ trận đánh. + Nghệ thuật miêu tả: ++ Sử dụng các động từ mạnh, phép so sánh kết hợp	
- Từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu thể hiện phẩm chất, tính cách nhân vật			
- Thái độ, tình cảm của người kể chuyện			
b. Lục Vân Tiên ứng xử với Kiều Nguyệt Nga			
- Sau khi đánh tan bọn cướp		+ Tài năng: Hành động <i>tả đột hữu xung</i> và biện pháp so sánh <i>Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dương</i> làm nổi bật tài năng võ nghệ cao cường của Vân Tiên, chàng như một mãnh tướng đang tung hoành giữa đám cướp và làm chủ trận đánh. + Nghệ thuật miêu tả: ++ Sử dụng các động từ mạnh, phép so sánh kết hợp	
- Khi Kiều Nguyệt Nga mong muốn đền ơn			
Nhận xét: - Tâm sự của Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm qua hình tượng nhân vật LVT - Nghệ thuật xây dựng nhân vật LVT			

- Nhóm 3, 4: Tìm hiểu hình tượng Kiều Nguyệt Nga – Hoàn thành PHT số 2.2:	điền tích (so sánh tài năng của LVT với Triệu Tử Long – một dũng tướng thời Tam Quốc).
PHT số 02: Hình tượng Kiều Nguyệt Nga	++ Nhịp điệu đoạn thơ có nhịp điệu mạnh mẽ sôi nổi, gấp gáp đã tô đậm không khí hào hùng nhưng cũng đầy hiểm nguy, căng thẳng của cuộc chiến.
1. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga được khắc hoạ qua những phương tiện nghệ thuật nào? 	→ Kết quả trận chiến: Lục Vân Tiên chiến thắng lẫy lừng, lũ lâu la tìm đường thoát thân, tên cầm đầu Phong Lai bị một gậy <i>thác rây thân vong</i>.
2. Nêu cảm nhận về tính cách nhân vật. 	- Tình cảm, thái độ của người kể chuyện với nhân vật: qua cách kể, cách miêu tả sự việc và nhân vật, tác giả thể hiện lòng yêu mến, ngưỡng mộ và ngợi ca đối với Lục Vân Tiên.
3. Qua hình tượng Kiều Nguyệt Nga, Nguyễn Đình Chiểu thể hiện quan niệm gì về người phụ nữ lí tưởng? 	b. Khi Lục Vân Tiên ứng xử với Kiều Nguyệt Nga
GV có thể sử dụng Vòng quay Whel off name trên nền tảng Google để chọn giao nhiệm vụ	- Sau khi đánh cướp: Lục Vân Tiên ân cần hỏi han người gặp nạn: <i>Hỏi: “Ai than khóc ở trong xe này?”</i> tính cách tận tâm, chu đáo. - Khi Kiều Nguyệt Nga mong muốn đền ơn: Lục Vân Tiên chỉ cười và từ chối: <i>Làm ơn há dễ trông người trả ơn.</i> Với chàng, làm việc nghĩa là bổn phận, trách nhiệm của người anh hùng: <i>Nhớ câu kiến nghĩa bất vi/ Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.</i> → Lời nói đó cho thấy quan niệm lễ sống của người anh hùng: Người anh hùng thấy việc nghĩa là phải làm, làm việc nghĩa không cần trả ơn. Vân Tiên đích thực là một người anh hùng chính trực,

cho HS nhằm tạo sự kịch tính, hấp dẫn. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ và thảo luận nhóm nội dung các PHT số 2.1, 2.2 theo phân công. - GV quan sát, hỗ trợ góp ý. Bước 3: Báo cáo, thảo luận GV tổ chức báo cáo sản phẩm thảo luận. - GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt quá trình báo cáo sản phẩm của các nhóm. - Hai nhóm chung nhiệm vụ sẽ bốc thăm trình bày. - Đại diện các nhóm thuyết trình sản phẩm. Các nhóm còn lại bổ sung, phản biện. - GV quan sát, khích lệ HS Bước 4: Đánh giá, kết luận - Sau một nhóm thuyết trình sản phẩm, GV nhận xét, đánh giá sản phẩm của nhóm.	trọng nghĩa khinh tài với tính cách hào hiệp, không vụ lợi. => Nhận xét: - Qua đoạn trích, hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên hiện lên với vẻ đẹp nghĩa hiệp, phóng khoáng, mang bóng dáng trang anh hùng hảo hán thuở xưa. - Hình tượng Lục Vân Tiên gửi gắm tâm sự của Nguyễn Đình Chiểu: ước mơ về mẫu hình người anh hùng lí tưởng nhân - trí - dũng kiêm toàn, quang minh chính đại, sẵn sàng xả thân trừ bạo, bảo vệ cuộc sống yên bình của người dân. - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: + Nhân vật được khắc họa qua lời kể, lời miêu tả của người kể chuyện và lời bộc bạch của chính nhân vật. + Ngôn ngữ giản dị, mộc mạc, đậm chất Nam Bộ; có sử dụng một số từ Hán Việt và điển tích. 2. Hình tượng Kiều Nguyệt Nga - Nhân vật Kiều Nguyệt Nga được xây dựng trong sự sóng đôi với Lục Vân Tiên: trai anh hùng - gái thùyên quyên. - Nhân vật xuất hiện chủ yếu qua ngôn ngữ đối thoại. Kiều Nguyệt Nga không lộ diện trực tiếp, chỉ dùng lời nói để bày tỏ suy nghĩ, tình cảm, quan niệm của mình. + Lời giải bày về hoàn cảnh của mình: tên họ, quê quán, hoàn cảnh gia đình và duyên cớ mắc nạn. → Lời giới thiệu đầy đủ, chân thành. + Cách xưng hô trân trọng, khiêm nhường: <i>quân tử - tiện thiếp, chàng - thiếp</i> → thể hiện sự trang trọng, tôn kính với người giúp mình.
--	--

	+ Lời bộc bạch chân tình: <i>Xin cho tiện thiếp..., Xin theo cùng thiếp.</i> → Nàng vô cùng cảm kích trước ơn trọng của Vân Tiên; tha thiết mời Lục Vân Tiên về nơi cha làm quan để tiện bề báo đáp. => Qua đoạn trích, có thể thấy Kiều Nguyệt Nga là người con gái hiếu thảo, đoan trang, khiêm nhường, dịu dàng, trọng ân nghĩa. - Nhân vật Kiều Nguyệt Nga thể hiện quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu về mẫu hình người phụ nữ lí tưởng: hiền hậu, nết na, khiêm nhường, trọng tình nghĩa.
--	--

2.3. Hoạt động 2.3. Hướng dẫn Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS		Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS trao đổi theo cặp trong bàn: Thảo luận Phiếu học tập số 03 để tìm hiểu những nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích:		III. TỔNG KẾT 1. Chủ đề - Ca ngợi người anh hùng trí dũng song toàn, diệt bạo trừ gian, bảo vệ cuộc sống yên bình cho nhân dân. - Ca ngợi lối sống trọng ân nghĩa. - Thể hiện khát vọng công lí, ước mơ về mẫu anh hùng “cứu khốn, phò nguy”.
Đặc sắc nội dung đoạn trích	Chủ đề của đoạn trích?	2. Đặc sắc nghệ thuật - Nghệ thuật xây dựng nhân vật: tập trung khắc hoạ con người ngoại hiện, quan tâm đến ngôn ngữ đối thoại của nhân vật. - Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ: đậm chất Nam Bộ
Đặc sắc nghệ thuật đoạn trích	Nhận xét về: - Nghệ thuật xây dựng nhân vật - Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	(đàng, xông vô, bức thơ, hay vậy,...), mộc mạc, bình dị, gần gũi; sử dụng từ Hán Việt và điển tích, điển cố khá nhuần nhuyễn.
---	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. **Tổ chức thực hiện:**

Nhiệm vụ 1: Trò chơi *Ai nhanh hơn?*

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV củng cố kiến thức bài học cho HS qua một số câu hỏi Trắc nghiệm khách quan thông qua trò chơi *Ai nhanh hơn?*

Câu 1: Khi gặp cướp Vân Tiên có thái độ và hành động gì?

- A. Run sợ và bỏ chạy
- B. Bình tĩnh và nói chuyện đạo lý với bọn cướp
- C. Không chút run sợ và xông vào xử lý bọn cướp
- D. Không quan tâm và coi như không có chuyện gì

Câu 2: Hai câu thơ “*Vân Tiên tả đột hữu xông – Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang*” sử dụng phép tu từ gì?

- A. Nói quá
- B. Ẩn dụ

C. Nhân hóa

D. So sánh

Câu 3: Giải thích cụm từ “tả đột hữu xông”?

A. Đột ngột xông vào đánh nhau với địch

B. Bên trái đột nhập, bên phải xông lên, hai bên cùng đánh vào

C. Đột nhập vào nơi nung nấu của quân địch

D. Đánh vào điểm yếu của địch

Câu 4: Ý nào nói đúng nhất bản chất con người của Lục Vân Tiên trong lời nói và thái độ của chàng với Kiều Nguyệt Nga?

A. Vì nghĩa lớn, không màng dah lợi

B. Từ tâm, nhân hậu

C. Chính trực, hào hiệp

D. **Tất cả đều đúng**

Câu 5: Hai câu thơ “*Gẫm câu báo đức thù công – Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi*” thể hiện tâm trạng gì của Kiều Nguyệt Nga trước việc làm của Lục Vân Tiên?

A. **Băn khoăn, áy náy vì chưa biết làm thế nào để trả ơn Lục Vân Tiên.**

B. Thán phục trước việc làm nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên.

C. Coi thường việc làm của Lục Vân Tiên.

D. Ngưỡng mộ tài năng của Lục Vân Tiên.

Câu 6: Đoạn trích cho thấy nhân vật Kiều Nguyệt Nga là người như thế nào?

A. Gian xảo, nhiều mưu kế.

B. Khôn ngoan, thông minh.

C. **Khiêm nhường, trọng tình nghĩa**

D. Bao dung, độ lượng.

Câu 7: Lời của Vân Tiên trong những câu thơ sau được trích dẫn theo cách nào?

Vân Tiên nghe nói liền cười:

“Làm ơn há dễ trông người trả ơn

Nay đà rõ đặng nguồn cơn

Nào ai tính thiệt so hơn làm gì

Nhớ câu kiến nghĩa bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.”

- A. Gián tiếp
- B. Trực tiếp
- C. Cả gián tiếp và trực tiếp
- D. Đáp án khác

Câu 8: Em hiểu nội dung hai câu thơ “*Nhớ câu kiến nghĩa bất vi/ Làm người thế ấy cũng phi anh hùng*” như thế nào?

- A. Thấy việc nguy nan mà không ra tay giúp thì không phải là bậc anh hùng.
- B. Người anh hùng là người không so đo, toan tính.
- C. Người anh hùng là người nên biết chỗ nào có việc không hay để ra tay kịp thời
- D. Người anh hùng là bậc thánh nhân hoàn hảo.

Câu 9: Hình ảnh Lục Vân Tiên trong đoạn trích gợi nhớ đến nhân vật trong truyện cổ tích nào em đã được đọc?

- A. Anh Khoai trong truyện *Cây tre trăm đốt*
- B. Người em trong truyện *Cây khế*
- C. **Thạch Sanh trong truyện *Thạch Sanh***
- D. Nhà vua trong truyện *Tám Cám*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ HS mở điện thoại thông minh, trên nền tảng Google vào phần mềm Quizizz.

+ Học sinh thảo luận cặp đôi và thực hiện trả lời 9 câu hỏi trắc nghiệm củng cố nội dung bài học.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ HS thực hiện trả lời 9 câu hỏi trên điện thoại thông minh.

+ GV quan sát, theo dõi.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV công bố người thắng cuộc, trả lời đúng và nhanh nhất.

- GV trao thưởng.

Nhiệm vụ 2: Viết kết nối với đọc**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) phân tích nét tính cách mà em yêu thích của một nhân vật trong đoạn trích *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS viết nhanh tại lớp trong thời gian 10 phút.
- GV cung cấp bảng kiểm cho HS.

Bảng kiểm kĩ năng viết đoạn văn:

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đảm bảo hình thức đoạn văn với dung lượng khoảng 7 – 9 câu.		
2	Đoạn văn đúng chủ đề: phân tích nét tính cách của một nhân vật trong đoạn trích <i>Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga</i> .		
3	Đoạn văn có câu chủ đề.		
4	Đoạn văn đảm bảo tính liên kết giữa các câu trong đoạn văn.		
5	Đoạn văn đảm bảo về yêu cầu về chính tả, cách sử dụng từ ngữ, ngữ pháp.		

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi một số HS trình bày đoạn văn của mình.
- Các HS khác lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.
- HS tự kiểm tra mức độ đạt yêu cầu của đoạn văn của mình.

Bước 4: Kết luận, nhận định**Đoạn văn tham khảo:**

Đọc đoạn trích *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga*, em ấn tượng với lòng dũng cảm, nghĩa hiệp của nhân vật Lục Vân Tiên. Tính cách cao cả, đẹp đẽ ấy thể hiện nổi bật qua hành động đánh cướp cứu Kiều Nguyệt Nga. Lục Vân Tiên một mình dùng tay không đánh lại bọn cướp đông người gươm giáo đầy đủ, vô cùng hung dữ và ngang tàn. Khi thấy người lành gặp nạn, chàng không do dự hay so đo tính toán thiệt hơn mà hành động khẩn trương, quyết đoán: “*Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô*”. Giữa trận địa nguy hiểm, một mình chàng “tả đột hữu xông” khiến cho bọn cướp bị đánh toi bời. Lục Vân Tiên hiện lên vô cùng dũng cảm, mạnh mẽ, mang cái đức và vẻ đẹp của một vị tướng tài ba. Bằng ngôn ngữ giản dị, giàu hình ảnh, giọng điệu ngợi ca, Nguyễn Đình Chiểu quả đã xây dựng ở Lục Vân Tiên mang khí chất của vị anh hùng tài đức mà nhân dân ta vẫn hằng mong ước.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Tổ chức thực hiện**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ****NV1. Kỹ thuật chia sẻ 01 phút**

Yêu cầu: Em hãy nêu quan điểm của em về người anh hùng trong cuộc sống ngày nay. Lấy ví dụ.

NV2. Chọn một trong hai nhiệm vụ sau để thực hiện ở nhà:

- Vẽ chân dung Lục Vân Tiên hoặc Kiều Nguyệt Nga dựa theo những chi tiết miêu tả trong đoạn trích *Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga*.
- Đóng vai Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga, tái hiện cuộc đối thoại giữa hai nhân vật sau khi bọn cướp đã bị trừng trị.

(HS sẽ báo cáo sản phẩm vào đầu tiết học sau).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện các yêu cầu.

- NV1: HS chia sẻ quan điểm của bản thân.
- NV2: HS vẽ tranh hoặc đóng kịch (làm ở nhà).

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Dự kiến sản phẩm của HS

NV1: HS chia sẻ quan điểm của bản thân về người anh hùng trong cuộc sống ngày nay.

- Ngày nay, có rất nhiều những “anh hùng” xuất hiện không chỉ bằng những hoạt động hay cống hiến lớn lao cho xã hội, đất nước mà những người “anh hùng” còn xuất hiện cả trong hành động nhỏ của mình giữa cuộc sống thường nhật. Nhưng điểm chung là họ đều hành động không phải vì cái danh “anh hùng” được mọi người bình bầu mà nó chỉ đơn giản là xuất phát từ tấm lòng, từ quan niệm sống và cách nhìn nhận về vấn đề đó, khiến họ không thể ngồi im hay khoanh tay đứng nhìn. Chính điều đó đã làm nên tính cách cao cả của họ.

- Ví dụ:

+ Những “chiến sĩ áo trắng” ngày đêm túc trực, tích cực làm việc để tìm ra những phương án phòng tránh, chữa trị, chống dịch Covid-19.

+ Anh Nguyễn Ngọc Mạnh (30 tuổi, xã Vĩnh Ngọc, H.Đông Anh, Hà Nội) cứu cháu bé 3 tuổi rơi từ tầng 12 của chung cư vào tháng 3/2021.

+ Người hùng 1 tay bầm cửa sổ, 1 tay dùng búa tạ đập tường cứu 3 người trong vụ cháy trong ngõ Trung Kính (phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội) khiến 14 người chết ở Hà Nội vào tháng 5/2024. Nam thanh niên có hành động dũng cảm trên là anh Tuấn (21 tuổi, quê Nam Định). Anh Tuấn là sinh viên và hiện đang thuê trọ tại một căn nhà gần hiện trường vụ hỏa hoạn.

NV2: HS vẽ tranh hoặc đóng kịch.

Bước 4: Kết luận, nhận định

Tuần: 8

Tiết: 31

Ngày soạn: 13/10/2025

Ngày dạy: 28/10/2025

KẾ HOẠCH DẠY HỌC BÀI
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT
CHỮ QUỐC NGŨ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS hiểu biết sơ giản về quá trình hình thành, phát triển và vai trò của chữ quốc ngữ trong đời sống văn hoá, kinh tế, xã hội của đất nước.
- HS biết vận dụng những hiểu biết về chữ quốc ngữ vào việc khắc phục lỗi chính tả.

2. Năng lực

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù: HS có một số hiểu biết đơn giản về chữ quốc ngữ.

3. Phẩm chất

- Biết giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.
- Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.
- ***HSKT**: HS hiểu biết sơ giản về quá trình hình thành, phát triển và vai trò của chữ quốc ngữ

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- b. **Tổ chức thực hiện hoạt động**:

Trò chơi Hỏi xoáy đáp xoáy

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Hỏi xoáy đáp xoáy”:
- GV chiếu các câu hỏi, HS suy nghĩ để nhanh chóng đưa ra đáp án. HS giơ tay để giành quyền trả lời.

Câu hỏi	Đáp án
1. Ăn gì không cần nhai?	Ăn đấm
2. Cái gì có răng nhưng không có miệng?	Cái lược
3. Có cổ không có miệng là cái gì?	Cái áo

4. Sông gì không bao giờ có nước?	Sông Ngân Hà
5. Loài cá nào biết khóc?	Cá sấu (Thành ngữ: Nước mắt cá sấu)
6. Con gì mới sinh ra đã ồn ào?	Con la (tên một loài động vật)
ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ 	Khánh Hòa (Lí giải: Chìa khóa + Củ hành = Khóa Hành → Khánh Hòa)
7. ĐÂY LÀ TỈNH THÀNH NÀO? 	Nguyễn Du
8. Đây là tác gia văn học nào?	

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tham gia trò chơi.
- GV quan sát, khích lệ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV kết nối, dẫn vào bài mới: Chữ quốc ngữ trải qua quá trình phát triển lâu dài, thay thế dần chữ Hán, chữ Nôm và trở thành văn tự chính thức của nước ta hiện nay. Chữ quốc ngữ đã chứng minh được sự tiện dụng của nó trong quá trình phát triển, góp phần lớn vào sự phát triển của đời sống văn hóa, kinh tế, xã hội,...của đất nước.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS hiểu biết sơ giản về quá trình hình thành, phát triển và vai trò của chữ quốc ngữ trong đời sống văn hoá, kinh tế, xã hội của đất nước.
- HS biết vận dụng những hiểu biết về chữ quốc ngữ vào việc khắc phục lỗi chính tả.

b. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm										
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS đọc và tóm tắt nội dung về chữ quốc ngữ trong phần <i>Tri thức ngữ văn</i> (tr. 66) và khung <i>Sơ giản về chữ quốc ngữ</i> trong SGK (tr. 75-76). Lưu ý các nội dung: + Thời điểm hình thành, các mốc thời gian quan trọng trong quá trình phát triển của chữ quốc ngữ. + Những người có đóng góp quan trọng trong việc hoàn thiện, phổ biến chữ quốc ngữ. + Đặc điểm của chữ quốc ngữ., thảo luận cặp đôi để hoàn thành PHT số 01 sau: <table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Tìm hiểu về chữ quốc ngữ</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Nguồn gốc hình thành</td><td>...</td></tr> <tr> <td>- Thời điểm hình thành</td><td></td></tr> <tr> <td>- Những người có đóng góp quan trọng trong việc hoàn thiện, phổ biến chữ quốc ngữ</td><td></td></tr> <tr> <td>2. Đặc điểm chữ quốc ngữ</td><td>...</td></tr> </tbody> </table> Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, trả lời cá nhân. - GV khuyến khích HS có thể trình bày câu trả lời bằng sơ đồ.. Bước 3. Báo cáo, thảo luận:	Tìm hiểu về chữ quốc ngữ		1. Nguồn gốc hình thành	...	- Thời điểm hình thành		- Những người có đóng góp quan trọng trong việc hoàn thiện, phổ biến chữ quốc ngữ		2. Đặc điểm chữ quốc ngữ	...	I. LÝ THUYẾT 1. Quá trình hình thành chữ quốc ngữ - Chữ quốc ngữ được hình thành từ đầu thế kỉ XVII, gắn với quá trình truyền đạo Công giáo tại Việt Nam. Sang thế kỉ XX, chữ quốc ngữ được sử dụng phổ biến, thay thế dần cho chữ Hán, chữ Nôm. Từ năm 1945, chữ quốc ngữ có vị thế văn tự chính thức của quốc gia. - Những người có công lớn trong việc sáng tạo, hoàn thiện, truyền bá chữ quốc ngữ là giáo sĩ Phran-xít-xcô đờ Pi-na, giáo sĩ A-lếch-xăng đờ Rôt, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của,... 2. Đặc điểm - Chữ quốc ngữ là hệ thống chữ viết ghi âm, dùng các con chữ trong viết Latinh để ghi âm tiếng Việt, giữa chữ và âm, giữa cách viết và cách đọc có sự tương ứng. → Bởi thế, chỉ cần học thuộc bảng chữ cái, nắm được nguyên tắc ghép vần là có thể đọc được tất cả các chữ trong tiếng Việt. - Hiện nay, chữ quốc ngữ đã đạt tới
Tìm hiểu về chữ quốc ngữ											
1. Nguồn gốc hình thành	...										
- Thời điểm hình thành											
- Những người có đóng góp quan trọng trong việc hoàn thiện, phổ biến chữ quốc ngữ											
2. Đặc điểm chữ quốc ngữ	...										

- Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả. - Các cặp khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định Giáo viên nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức.	sự ổn định về mặt hình thức và được coi là hoàn thiện.
---	---

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức về chữ quốc ngữ.

b. Tổ chức hoạt động

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Thực hiện các yêu cầu sau: - Bài tập 1: Thảo luận cặp đôi - Bài tập 2: Làm việc cá nhân - Bài tập 3, 4: Thảo luận theo nhóm nhỏ trong bàn Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm theo yêu cầu. - GV quan sát, động viên, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.	II. THỰC HÀNH 1. Bài tập 1 (Tr 75 /SHS) a. Một số điểm mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của chữ quốc ngữ. - Thế kỉ XVII: chữ quốc ngữ được hình thành. - Từ cuối thế kỉ XVIII: chữ quốc ngữ được chỉnh lí, ngày càng hoàn thiện hơn. - Cuối thế kỉ XIX: chữ quốc ngữ dần phổ biến ở Nam Kỳ. Năm 1865: xuất hiện tờ báo đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ. Năm 1878: thống đốc Nam Kỳ kí Nghị định quy định bắt đầu từ năm 1882, tất cả các VB hành chính lưu hành ở khu vực này đều phải dùng chữ quốc ngữ. - Thế kỉ XX: Năm 1918, vua Khải Định bãi bỏ khoa thi Hán học. Từ đó, chữ quốc ngữ được sử dụng phổ biến trên phạm vi cả nước, dần thay thế chữ Hán và chữ Nôm. Từ năm 1945, chữ quốc ngữ có vị thế văn tự chính thức của quốc gia. b. Điểm giống nhau và khác nhau giữa chữ quốc ngữ và chữ Nôm: - Giống nhau: đều là văn tự ghi âm tiếng Việt. - Khác nhau: chữ Nôm dựa theo kí hiệu văn tự Hán, chữ viết và âm đọc khác nhau; chữ quốc ngữ dùng chữ cái La-tinh để ghi âm tiếng Việt, chữ viết và cách đọc có sự tương ứng.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	2. Bài tập 2 (Tr 75 /SHS) - Tác động tích cực: Chữ quốc ngữ là cơ sở tạo sự thống nhất chữ viết trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam; chữ quốc ngữ giúp cho việc viết và đọc tiếng Việt trở nên dễ dàng hơn, góp phần phát triển đời sống văn hoá, kinh tế, xã hội của đất nước. - Tác động tiêu cực: Chữ quốc ngữ thay thế hoàn toàn chữ Hán, chữ Nôm khiến người đọc hiện đại khó tiếp cận trực tiếp di sản văn hoá thời trung đại. 3. Bài tập 3 (Tr 76 /SHS) - Âm /y/ được ghi bằng <i>g</i> hoặc <i>gh</i>. Ví dụ: <i>con gà, cái ghế,...</i> - Âm /z/ được ghi bằng <i>d</i> hoặc <i>gi</i>. Ví dụ: <i>dòng nước, cơn gió,...</i> - Âm /q/ được ghi bằng <i>ng</i> hoặc <i>ngh</i>. Ví dụ: <i>ngôi sao, nông nghênh,...</i> 4. Bài tập 4 (Tr 76/SHS) - Lỗi do không phân biệt được một âm được ghi bằng các chữ khác nhau. Ví dụ: <i>da</i> (làn da) - <i>gia</i> (gia vị, gia đình), <i>dấu</i> (dấu ấn) - <i>giấu</i> (cất giấu),... - Lỗi do phát âm địa phương không chính xác. Ví dụ: <i>rời</i> (rời bỏ) - <i>dời</i> (dời đi), <i>gieo</i> (gieo trồng) - <i>reo</i> (reo vui), <i>sông</i> (dòng sông) - <i>xông</i> (xông hơi), <i>trống</i> (cái trống) - <i>chống</i> (chèo chống), <i>no</i> (ăn no) - <i>lo</i> (lo âu),... - Lỗi do không nắm được quy tắc viết chính tả tiếng Việt. Ví dụ: <i>cái cео, bắp nghо, gе ghóm,...</i> - Lỗi do không cẩn thận khi viết: viết sai dấu, nhầm lẫn từ ngữ,...
--	---

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức về chữ quốc ngữ để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

b. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tìm hiểu về cách khắc phục khắc lỗi chính tả hay mắc đã tìm hiểu ở bài tập 4. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân rồi thảo luận nhóm theo yêu cầu. - GV quan sát, động viên, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét và chuẩn kiến thức.	HS tìm hiểu, liệt kê cách khắc phục ở nhà.

Tuần: 8

Tiết: 32

Ngày soạn: 13/10/2025

Ngày dạy: 29/10/2025

KẾ HOẠCH DẠY HỌC BÀI

Độc kết nối chủ đề bài học:

VĂN BẢN 3: TỰ TÌNH (Bài 2)

- HỒ XUÂN HƯƠNG -

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức :

- Kết nối về chủ đề *Hồn nước nằm trong tiếng mẹ cha*: HS hiểu, cảm nhận được vẻ đẹp, giá trị của bài thơ tiếng Việt, củng cố kĩ năng đọc hiểu thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

2. Năng lực

*Năng lực chung: NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

*Năng lực đặc thù: Kết nối về chủ đề *Hồn nước nằm trong tiếng mẹ cha*: HS hiểu, cảm nhận được vẻ đẹp, giá trị của bài thơ tiếng Việt, củng cố kĩ năng đọc hiểu thơ thất ngôn bát cú Đường luật.

3. Phẩm chất

Cảm thông, chia sẻ nỗi đau, trân trọng khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội xưa.

***HSKT:** Củng cố kỹ năng đọc hiểu thơ thất ngôn bát cú Đường luật

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Tổ chức thực hiện hoạt động:

***Cách 1: PP Vấn đáp**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Câu hỏi: Tìm những câu ca dao, thành ngữ hoặc những tác phẩm thơ văn đã học nói về thân phận của người phụ nữ trong xã hội xưa.

(HS trả lời cá nhân hoặc GV tổ chức cho HS thi giữa 2 dãy, trả lời nối tiếp)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả

Dự kiến câu trả lời của HS:

- Chùm ca dao than thân:

Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.

- Thành ngữ: *Hồng nhan bạc mệnh; Hồng nhan đa truân.*

- *Bánh trôi nước* – Hồ Xuân Hương

- *Chuyện người con gái Nam Xương* – Nguyễn Dữ

- *Truyện Kiều* – Nguyễn Du

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

GV dẫn vào bài: Đề tài thân phận người phụ nữ là đề tài được rất nhiều các nhà văn, nhà thơ tìm đến, trong đó, Hồ Xuân Hương được coi là nhà thơ của phụ nữ. Tiếng thơ của bà là tiếng nói đòi quyền sống, quyền hạnh phúc. *Tự tình* (bài 2) là một bài thơ như thế.

***Cách 2: Xem video và trả lời câu hỏi**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- HS xem video bài hát “Bánh trôi nước” – Ca sĩ Hoàng Thùy Linh.



Câu hỏi: *Nêu cảm nhận của em về bài hát. Em hãy cho biết bài hát khiến em nhớ tới bài thơ nào? Của ai?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS xem video, chia sẻ về bài hát.

Bước 3: Báo cáo kết quả

Bước 4: Đánh giá, kết luận: Nhận xét câu trả lời của HS, dẫn dắt để kết nối hoạt động hình thành kiến thức mới.

→GV dẫn vào bài:

Hồ Xuân Hương là một trong những nhà thơ nổi tiếng của Văn học trung đại Việt Nam. Bà được mệnh danh là “bà chúa thơ Nôm”. Thơ của bà là tiếng nói đòi quyền sống, là niềm khao khát sống mãnh liệt. Đặc biệt những bài thơ Nôm của bà là cảm thức về thời gian tinh tế, tạo nền cho tâm trạng. “Tự tình” (Bài 2) là một trong những bài thơ tiêu biểu cho điều đó, đồng thời thể hiện được những đặc sắc về thơ Nôm của Hồ Xuân Hương.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Hoạt động 2.1. Đọc – khám phá chung

a. Mục tiêu: Giúp HS đọc và tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm.

b. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHIẾU HỌC TẬP 01: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

(Hoàn thành trước ở nhà)

I. Tìm hiểu chung	
1.Tác giả Hồ Xuân Hương - Cuộc đời	2.Tác phẩm - Xuất xứ

- Sự nghiệp sáng tác: <i>số lượng tác phẩm, phong cách nghệ thuật</i>	- Thể thơ - Đề tài - Chủ thể trữ tình - Nhan đề - Bố cục
---	--

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: Hướng dẫn đọc văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn trích: giọng đọc chậm rãi, trầm buồn, xót xa, vừa gai góc, thách thức (hai câu cuối). - GV đọc mẫu và gọi 1 – 2 HS đọc. - Hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích và giải thích từ khó. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc VB. - GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt từng yêu cầu. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Đại diện 1 số HS đọc VB. - Các HS khác nhận xét. Bước 4. Kết luận, nhận định	I. ĐỌC – KHÁM PHÁ CHUNG 1. Đọc văn bản - Đọc văn bản. - Tìm hiểu chú thích, từ khó hiểu.
Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả Hồ Xuân Hương và bài thơ <i>Tự tình</i> (bài 2) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Gv yêu cầu HS thảo luận theo cặp,	2. Tác giả Hồ Xuân Hương a. Cuộc đời - Chưa xác định được năm sinh, năm mất. - Sống vào khoảng nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX.

trao đổi về Phiếu học tập 01 (đã chuẩn bị ở nhà).

Thời gian thảo luận cặp: 03 phút

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ

- HS trả lời cá nhân hoặc theo từng cặp (2 HS luân phiên trình bày thông tin về tác giả, tác phẩm).
- GV khích lệ HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi HS trả lời.
- Các HS khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét đánh giá kết quả HS, chuẩn hóa kiến thức qua trình chiếu slide.

GV mở rộng:

“Bộ 3 bài thơ trữ tình này cùng với bài *Khóc vua Quang Trung* của công chúa Ngọc Hân làm thành một khóm riêng biệt, làm nên tiếng lòng chân thật của người đàn bà tự nói về tình cảm bản thân của đời mình trong văn học cổ điển Việt Nam (*Xuân Diệu, Hồ Xuân Hương – Bà chúa thơ Nôm*)

- Quê quán: Làng Quỳnh Đôi - huyện Quỳnh Lưu - tỉnh Nghệ An nhưng sống chủ yếu ở kinh thành Thăng Long.

- Hoàn cảnh xuất thân: trong một gia đình nhà nho nghèo, cha làm nghề dạy học.
- HXH là thiên tài kì nữ nhưng cuộc đời gặp nhiều bất hạnh.

b. Sự nghiệp sáng tác

- Sáng tác cả chữ Hán và chữ Nôm nhưng thành công ở chữ Nôm.
- Thơ HXH là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình, đậm chất dân gian từ đề tài, cảm hứng ngôn từ và hình tượng.
- Phong cách thơ vừa thanh vừa tục. → Được mệnh danh là “ *bà chúa thơ Nôm*”.



3. Bài thơ "Tự tình" (bài 2)

a. Xuất xứ: Bài thơ thứ 2 trong chùm 3 bài “Tự tình”.

b. Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.

c. Đề tài: số phận người phụ nữ.

d. Chủ thể trữ tình: Bài thơ là lời tâm sự của người phụ nữ về nỗi đau trước tình duyên éo le và khát vọng hạnh phúc. Tâm trạng của nhân

	vật trữ tình được bộc lộ qua cách cảm nhận không gian, thời gian, cảnh vật. Ngoại cảnh cũng là tâm cảnh. e. Nhan đề “Tự tình”: bày tỏ tâm trạng, cảm xúc, tình cảm của người viết . f. Bố cục: - Cách 1: Đề - thực – luận – kết. - Cách 2: + 6 câu thơ đầu: Tâm trạng đau xót, phẫn uất cho tình cảnh trái ngang, duyên phận lỡ làng. + 2 câu thơ cuối: Niềm khát khao hạnh phúc, ý thức vươn lên, không khuất phục số phận.
--	---

2.2. Hoạt động 2.2: Hướng dẫn HS đọc kết nối chủ đề bài học

a. Mục tiêu: Kết nối về chủ đề *Hồn nước nằm trong tiếng mẹ cha*: HS hiểu, cảm nhận được vẻ đẹp, giá trị của bài thơ tiếng Việt, củng cố kĩ năng đọc hiểu thơ thất ngôn bát cú Đường luật..

b. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHIẾU HỌC TẬP 02: Đọc hiểu chi tiết văn bản “Tự tình” (bài 2)

Nhóm	Nhiệm vụ	Câu hỏi	Đáp án
Nhóm 1	Hai câu đề	- Hai câu đầu miêu tả thời gian, không gian nào? - Hai câu thơ bộc lộ tâm trạng gì của nhân vật trữ tình?	
Nhóm 2	Hai câu thực	Em có nhận xét gì về những âm thanh được miêu tả ở hai câu thực? Những âm thanh này phản chiếu nổi niềm tâm sự gì của chủ thể trữ tình.	

		(Chú ý: nghệ thuật đối giữa hai câu thơ và phép đối lập giữa 2 vế trong từng câu thơ; nghệ thuật nhân hóa, câu hỏi tu từ.)	
Nhóm 3	Hai câu luận	- Hai câu thơ bộc lộ tâm trạng gì của nhân vật trữ tình và hé lộ nguyên nhân là do đâu? (chú ý các từ láy <i>rầu rĩ, mồm mòm</i>) - Cảm xúc của nhân vật trữ tình trong hai câu luận có sự tiếp nối và mở rộng như thế nào so với hai câu đề và hai câu thực?	
Nhóm 4	Hai câu kết	- Chỉ ra sự chuyển mạch cảm xúc của bài thơ trong hai câu kết. - Em có đồng ý với ý kiến cho rằng hai câu thơ kết cho thấy bản lĩnh của Hồ Xuân Hương không? Vì sao?	

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV chia HS thành 4 nhóm, chuyển giao nhiệm vụ: Hoàn thành Phiếu học tập 02 theo kĩ thuật Khăn trải bàn.	II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN 1. Hai câu đề <i>“Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom, Oán hận trông ra khắp mọi chòm.”</i> - Thời gian : đêm khuya + Thời gian tự nhiên: khoảng thời gian yên tĩnh, vắng lặng về đêm. + Thời gian tâm lí: khoảng thời gian con người thường đối diện với chính mình trong suy tư, trăn trở.



- Nhóm 1: **Tìm hiểu 2 câu đề**
 - Nhóm 2: **Tìm hiểu 2 câu thực**
 - Nhóm 3: **Tìm hiểu 2 câu luận**
 - Nhóm 4: **Tìm hiểu 2 câu kết**
- GV phát PHT riêng cho từng nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ cá nhân, ghi câu trả lời vào vị trí trả lời cá nhân trên PHT A0.
- Thảo luận theo nhóm, thư kí ghi kết quả thảo luận của nhiệm vụ học tập vào vị trí trung tâm PHT A0.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận.

GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét đánh giá kết quả

- Âm thanh: *tiếng gà văng vẳng*

Từ láy “văng vẳng” gợi âm thanh từ xa vọng lại.

→ Nghệ thuật lấy động để tả tĩnh góp phần gợi không gian vắng vẻ, trống trải, tĩnh lặng lúc đêm khuya.

- Tâm trạng con người: *oán hận trông ra khắp mọi chòm* → Tâm trạng đau xót, u uất bao trùm lên khắp cảnh vật.

=> Hai câu thơ đề tạc vào không gian, thời gian hình tượng một người đàn bà trầm uất, đang đối diện với chính mình trong đêm khuya tĩnh lặng.

của các các nhóm và cho điểm. GV chuẩn hóa kiến thức. Thao tác 1: Tìm hiểu 2 câu đề Đại diện nhóm 1 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 2 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung	
Thao tác 2: Tìm hiểu 2 câu thực Đại diện nhóm 2 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 3 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung	2. Hai câu thực <i>“Mồ thấm không khua mà cũng cốc, Chuông sầu chẳng đánh có sao om?”</i> Mang tâm thế oán hận trông ra khắp mọi chòm nhưng tín hiệu đầu tiên con người thu nhận lại là âm thanh của tiếng mõ, tiếng chuông: - Nghệ thuật nhân hóa kết hợp phép đối: <i>Mồ thấm – cốc</i> <i>Chuông sầu – om</i> - Câu hỏi tu từ: ...có sao om? => Những âm thanh cũng chất chứa tâm sự, cảm xúc ai oán, thê lương. Âm thanh vang vọng từ không gian bên ngoài cũng chính là tiếng lòng tê tái, náo nức của con người
Thao tác 3: Tìm hiểu 2 câu luận Đại diện nhóm 3 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 4 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung	3. Hai câu luận <i>“Trước nghe những tiếng thêm rầu rĩ, Sau giận vì duyên để mồm mòm.”</i> - Tâm trạng nhân vật hoà nhịp với những âm thanh của bên ngoài càng nhấn mạnh cảm xúc buồn bã, cô đơn, chán chường trong tâm hồn nhân vật trữ tình. - Hé mở căn nguyên của nỗi buồn, sầu, oán hận: <i>giận vì duyên để mồm mòm</i> – nỗi xót xa vì số phận hẩm hiu, duyên

	tình lỡ làng, tuổi trẻ phai tàn - Nghệ thuật: sử dụng các từ láy giàu sức gợi (<i>rầu rĩ, mồm mòm</i>) . => 6 câu đầu cho thấy tâm trạng buồn bã, chán chường, bế tắc, ngao ngán trước sự bế bång của duyên phận của nhân vật trữ tình.
Thao tác 4: Tìm hiểu 2 câu kết Đại diện nhóm 4 báo cáo sản phẩm học tập. Nhóm 1 đặt câu hỏi phản biện. Các nhóm nhận xét, bổ sung	4. Hai câu kết - Từ trạng thái buồn thảm, ảo não (6 câu đầu), tứ thơ đột ngột chuyển hướng. Không còn là lời than khóc, oán thán, nhân vật đột ngột chuyển hướng, cất lên tiếng nói đầy bản lĩnh - tiếng nói của hi vọng, khát vọng, của niềm kiêu hãnh mà những tổn thương, những trớ trêu của số phận không thể dập tắt: “Tài tử vẫn nhân ai đó tá? Thân này đâu đã chịu già tom!” => <i>Tự tình</i> khép lại bằng lời thách đố: <i>Thân này đâu đã chịu già tom!</i>, khẳng định bản lĩnh và khao khát mãnh liệt của người phụ nữ. - Qua việc khẳng định bản lĩnh và khát khao hạnh phúc, Hồ Xuân Hương bộc lộ thái độ trân trọng, ngợi ca bản lĩnh, ý thức về quyền sống và khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.

2.3. Hoạt động 2.3. Hướng dẫn Tổng kết

a. Mục đích: HS nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS trao đổi theo cặp trong bàn: Thảo luận Phiếu học tập số 03 để tìm hiểu những nét đặc sắc về nghệ	III. TỔNG KẾT 1. Đặc sắc nội dung - Chủ đề bài thơ: Bài thơ <i>Tự tình</i> (bài 2) thể hiện nỗi niềm, tâm sự của người phụ nữ trong xã hội phong

thuật của văn bản <i>Tự tình</i> (bài 2):		kiến xưa: vừa đau buồn, vừa phẫn uất trước duyên phận, vừa khao khát hạnh phúc, mong muốn vượt lên sự nghiệt ngã của duyên phận.
Đặc sắc nội dung đoạn trích	- Chủ đề của bài thơ? - Tư tưởng, tình cảm của tác giả?	- Qua bài thơ, Hồ Xuân Hương thể hiện sự thấu hiểu, đồng cảm với thân phận của người phụ nữ; đồng thời bộc lộ thái độ trân trọng, ngợi ca bản lĩnh, ý thức về quyền sống và khát vọng hạnh phúc của họ.
Đặc sắc nghệ thuật đoạn trích	Nhận xét về: - Nghệ thuật sử dụng ngôn từ - Cách sử dụng hình ảnh, các biện pháp tu từ, giọng điệu,...	2. Đặc sắc nghệ thuật - Ngôn ngữ: bài thơ có cách gieo vần độc đáo (vần <i>om</i>), sử dụng nhiều từ láy (<i>văng vẳng, rầu rĩ, mồm mòm</i>), nhiều kết hợp từ mới lạ (<i>mỡ thắm, chuông sâu, duyên mồm mòm, già tom</i>),... khơi gợi nhiều liên tưởng, cảm xúc. - Hình ảnh: nhiều hình ảnh mang tính ẩn dụ, ngụ ý. Tiếng gà, tiếng chuông, tiếng mõ cũng chính là tiếng lòng khắc khoải của người phụ nữ. - Giọng điệu: vừa xót xa, tha thiết vừa thách thức, ngạo nghễ; vừa trữ tình vừa cười cợt, trào lộng. - Biện pháp tu từ: sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ để biểu đạt thế giới nội tâm chất chứa sâu hận và khao khát: nhân hoá (<i>mỡ thắm, chuông sâu</i>), tương phản, đối lập (<i>không - mà cũng, chẳng - có sao</i>), ẩn dụ (<i>duyên mồm mòm</i>),... => <i>Tự tình</i> khẳng định khả năng to lớn của tiếng Việt khi biểu đạt những cung bậc cảm xúc trong thế giới nội tâm con người.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. **Tổ chức thực hiện**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu: Bài thơ để lại trong em cảm xúc hoặc ấn tượng gì? Viết đoạn văn ngắn (8 – 10 dòng) ghi lại điều đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS suy nghĩ, làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ.
- GV khích lệ, giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV cung cấp công cụ bảng kiểm đánh giá.

- GV gọi đại diện một số HS trình bày sản phẩm học tập của mình.
- Các HS khác lắng nghe, nhận xét theo bảng kiểm.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và cho điểm HS.

Đoạn văn tham khảo:

Bài thơ “Tự tình” (bài 2) là một trong những bài thơ nổi tiếng của nữ sĩ Hồ Xuân Hương nằm trong chùm thơ “Tự tình” 3 bài. Bài thơ đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc về bi kịch duyên phận và khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của người phụ nữ trong xã hội xưa. Xuyên suốt bài thơ là tâm trạng, thái độ của HXH vừa đau buồn, vừa phẫn uất trước duyên phận, mong muốn vượt lên trên bi kịch. Tâm trạng, thái độ đó được gửi gắm qua các yếu tố ngoại cảnh (không gian, thời gian, âm thanh) và qua nghệ thuật sử dụng từ ngữ vô cùng độc đáo của “bà chúa thơ Nôm”. Đọc bài thơ, em thấy xót thương, đồng cảm cho những người phụ nữ trong xã hội xưa khi họ không được làm chủ hạnh phúc của mình, phải sống trong thân phận làm lẽ nhỏ mọn của chế độ đa thê thời phong kiến. Bài thơ là tâm sự không chỉ của riêng Hồ Xuân Hương mà còn là tiếng lòng của bao người phụ nữ. Đồng cảm với những thân phận trong văn học, ta càng thêm yêu quý và trân trọng những người phụ nữ thân thương quanh ta.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết bài tập thực tiễn.

b. Tổ chức thực hiện

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-----------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tìm và giới thiệu ngắn gọn một tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm viết về thân phận người phụ nữ (làm ở nhà). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Hoạt động thảo luận theo cặp. GV quan sát, khích lệ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS trả lời câu hỏi, chia sẻ suy nghĩ. Gv quan sát, hỗ trợ, tư vấn Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét đánh giá kết quả của các cá nhân, chuẩn hóa kiến thức.	HS tìm và giới thiệu ngắn gọn một tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm viết về thân phận người phụ nữ, chia sẻ với các bạn. Ví dụ: - <i>Lấy chồng chung</i> (Hồ Xuân Hương) - <i>Thương vợ</i> (Tú Xương) - <i>Chinh phụ ngâm khúc</i> (diễn Nôm Đoàn Thị Điểm) ...
--	--

Tuần: 9, 10

Tiết: 36,37,38

Ngày soạn: 13/10/2025

KẾ HOẠCH DẠY HỌC
VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CẦN
GIẢI QUYẾT
(TRONG ĐỜI SỐNG CỦA HỌC SINH HIỆN NAY)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nhận biết được yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay).
- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay).

2. Năng lực

- NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

3. Phẩm chất

- Biết thể hiện quan điểm của bản thân về các vấn đề trong đời sống học sinh.

- Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

* **HSKT**: HS nhận biết được yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

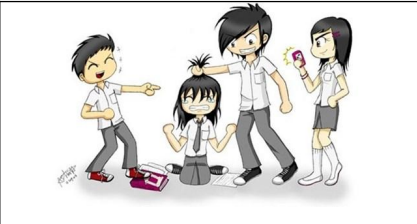
1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. **Tổ chức thực hiện hoạt động**:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Cách 1: Xem video GV cho HS xem video về lời tâm sự của một HS trượt cấp 3. Link: https://www.youtube.com/watch?v=_fyf-UA_XOY Câu hỏi: <i>Bạn HS đã gặp phải vấn đề gì và bạn đã vượt qua nó ra sao?</i> Cách 2: Trò chơi Đuổi hình bắt chữ GV chiếu lần lượt một số hình ảnh và yêu cầu HS: <i>Những hình ảnh gợi cho em liên tưởng tới vấn đề nào mà em bắt gặp trong cuộc sống?</i>  Hình 1  Hình 2	Cách 1: HS có thể trình bày suy nghĩ về 1 trong các vấn đề mà bạn HS gặp phải: - Xung đột giữa cha mẹ và con cái. - Đánh mất niềm tin vào bản thân Cách 2: Hình 1: Tình bạn khác giới ở tuổi học trò Hình 2: Bạo lực học đường Hình 3: Bạo lực ngôn từ trên MXH (bị tổn thương vì bình luận tiêu cực trên MXH) Hình 4: Xung đột giữa cha mẹ và con cái

Hình 3	Hình 4	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định		

GV dẫn vào bài học: Xung quanh đời sống học sinh các em có muôn ngàn vấn đề đặt ra buộc các em phải tìm cách giải quyết. Trước mỗi vấn đề của thế hệ mình trong xã hội hiện đại đòi hỏi em cần có quan điểm, suy nghĩ và cách giải quyết riêng.

Tiết học hôm nay cô trò ta sẽ tìm hiểu cách viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay).

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận biết được yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay).

b. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay) Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Theo dõi mục SGK, trả lời các câu hỏi sau: <i>Bài văn kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời</i>	I. LÝ THUYẾT 1. Yêu cầu của kiểu bài - Giới thiệu được vấn đề nghị luận (một vấn đề cần giải quyết trong đời sống của học sinh hiện nay). - Trình bày được ý kiến bàn luận về vấn đề với hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng tiêu biểu và xác thực. - Nêu được ý kiến trái chiều và phản bác bằng

<i>sống của học sinh hiện nay) cần đáp ứng những yêu cầu gì?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ: - HS suy nghĩ và trả lời. - GV quan sát, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận + GV gọi một HS phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Kết luận, nhận định	lí lẽ sắc bén. - Đề xuất được giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề.		
Thao tác 2: Hướng dẫn HS đọc và phân tích bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo, lưu ý các thẻ chỉ dẫn để xác định bố cục. - HS thảo luận theo bàn, hoàn thành Phiếu học tập 01 sau: <table><tr><td> PHIẾU HT 01: Phân tích bài viết tham khảo </td></tr><tr><td> - Chỉ ra bố cục của bài viết tham khảo. - Phần Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận của bài viết là gì? Vấn đề đó được khái quát trong câu văn nào? - Phần Thân bài: + Người viết đã đưa ra ý kiến cá nhân nào về vấn đề nghị luận và đề xuất những giải pháp nào để </td></tr></table>	PHIẾU HT 01: Phân tích bài viết tham khảo	- Chỉ ra bố cục của bài viết tham khảo. - Phần Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận của bài viết là gì? Vấn đề đó được khái quát trong câu văn nào? - Phần Thân bài: + Người viết đã đưa ra ý kiến cá nhân nào về vấn đề nghị luận và đề xuất những giải pháp nào để	2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo *Bài viết tham khảo: Trưởng thành qua nỗi buồn *Mở bài: Đoạn văn mở đầu: - Giới thiệu vấn đề nghị luận: Đối diện và vượt qua nỗi buồn để trưởng thành. Câu văn khái quát vấn đề: <i>Chúng ta không thể từ chối kẻ “không mời mà đến” kia nhưng hoàn toàn có thể chủ động lựa chọn cách “đón tiếp” nó.</i> *Thân bài: - Ý kiến của người viết: Nỗi buồn nảy sinh từ sai lầm, thất bại thường khiến chúng ta thất vọng, đau khổ, tuy nhiên, vượt qua thử thách đó, chúng ta sẽ trưởng thành hơn. - Đề xuất giải pháp: Đưa ra các lí lẽ, bằng chứng): + Biến nỗi buồn thành cơ hội trưởng thành bằng cách chấp nhận, can đảm đối diện với nó.
PHIẾU HT 01: Phân tích bài viết tham khảo			
- Chỉ ra bố cục của bài viết tham khảo. - Phần Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận của bài viết là gì? Vấn đề đó được khái quát trong câu văn nào? - Phần Thân bài: + Người viết đã đưa ra ý kiến cá nhân nào về vấn đề nghị luận và đề xuất những giải pháp nào để			

<i>giải quyết vấn đề?</i> + Người viết nêu ý kiến trái chiều và phản bác như thế nào? + Người viết nêu bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của mình như thế nào? Em học được gì từ việc lựa chọn và nêu bằng chứng trong bài viết tham khảo? - Nội dung phần Kết bài của bài viết tham khảo là gì? - Theo em, bài viết tham khảo có đáp ứng được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết (trong đời sống của học sinh hiện nay) không? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS thảo luận trong bàn. + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện một số bàn phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Kết luận, nhận định	Dẫn chứng: Trước đây, tôi giấu kín ...hoảng sợ hay dằn vặt nữa. + Học cách “bỏ đói” nỗi buồn và tập trung nuôi dưỡng niềm vui. Dẫn chứng: “tôi chạy bộ, xem phim... bỏ đi thôi”. + Chia sẻ, tìm kiếm sự trợ giúp từ những người mình yêu quý, tin tưởng. Dẫn chứng: Tôi chia sẻ và luôn nhận được sự giúp đỡ...tin tưởng. + Yêu thương bản thân, tin tưởng và tự hào về chính mình. - Người viết nêu kiến trái chiều và phản bác: + Ý kiến trái chiều: nhiều người cho rằng chia sẻ chẳng có ích gì, có khi lại càng buồn thêm; giấu kín nỗi buồn sẽ đỡ bị tổn thương và đỡ mất thời gian. + Ý kiến phản bác: những người gần gũi, yêu thương và có trách nhiệm với mình chắc chắn sẽ sẵn sàng giúp đỡ khi mình cần. → Mục đích của người viết: nhấn mạnh sự cần thiết của việc chia sẻ nỗi buồn, tìm kiếm sự giúp đỡ khi cần thiết. - Nhận xét cách đưa dẫn chứng của người viết: Với mỗi luận điểm, người viết thường đưa ra những bằng chứng từ trải nghiệm của bản thân; làm sáng tỏ vấn đề bàn luận qua bằng chứng *Kết bài: Trong phần Kết bài, người viết khẳng
---	---

	định ý nghĩa của việc trưởng thành qua nỗi buồn. ➔ Bài viết tham khảo đã đáp ứng được yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.		
Thao tác 3: Hướng dẫn HS về quy trình viết bài Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS đọc lướt các bước trong quy trình viết (SHS, tr80 -82), sau đó, thảo luận trong bàn về tác dụng của từng bước. - GV hướng dẫn học sinh khái quát dàn ý chung cho dạng bài viết nghị luận về một vấn đề cần giải quyết. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: + HS thảo luận trong bàn. + GV quan sát, khuyến khích Bước 3: Báo cáo, thảo luận + Đại diện một số bàn phát biểu. + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Kết luận, nhận định	Bước	Công việc	Tác dụng
	<i>Bước 1: Chuẩn bị viết</i>	- Lựa chọn đề tài - Xác định đúng vấn đề nghị luận, mục đích viết, người đọc - Thu thập tài liệu	- Giúp định hình được nội dung giao tiếp, cách giao tiếp. - Giúp nâng cao chất lượng bài viết.
	<i>Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý</i>	- Tìm ý theo suy luận từ khái quát đến cụ thể. - Lựa chọn, sắp xếp các ý đã tìm thành một dàn ý theo bố cục mạch lạc gồm 3 phần: MB – TB - KB	Giúp định hình ý tưởng trước khi viết, sắp xếp các ý tưởng theo một trình tự lô-gíc, đảm bảo không lạc đề, bỏ sót ý.
	<i>Bước 3: Viết bài</i>	- Dựa vào dàn ý để viết bài. - Chú ý diễn	Giúp triển khai các ý thành bài viết.

		đặt, dùng từ, viết câu,...	
	Bước 4: Chỉnh sửa bài viết	Đọc lại bài viết và chỉnh sửa (dựa vào bảng hướng dẫn).	Giúp người viết tự điều chỉnh những thiếu sót, giúp cho bài viết hoàn chỉnh hơn.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

- HS xác định được mục đích viết (nghị luận); dự kiến người đọc (thầy cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

- Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

b. Tổ chức thực hiện:

+ HS xác định được yêu cầu của đề, thu thập tư liệu cho bài viết.

+ Biết tìm ý và lập dàn ý cho bài viết.

+ Viết được bài viết hoàn chỉnh và tự kiểm tra, chỉnh sửa lại bài viết.

PHIẾU TÌM Ý:

Viết bài văn nghị luận về cách ứng xử khi xảy ra xung đột giữa cha mẹ và con cái.

Vấn đề cần giải quyết là gì?	
Ý kiến của bản thân về vấn đề cần giải quyết	
Những mâu thuẫn, xung đột nào thường gặp giữa cha mẹ và con cái?	
Những giải pháp để giải quyết mâu thuẫn, xung đột giữa cha mẹ và con cái.	
Ý kiến trái chiều có thể xuất hiện và ý	

kiến phản bác	
Ý nghĩa của việc giải quyết mâu thuẫn, xung đột giữa cha mẹ và con cái.	

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: TRƯỚC KHI VIẾT Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc. HS trả lời các câu hỏi sau: <i>Bài viết của em nhằm mục đích gì và em hướng tới người đọc sẽ là ai?</i> *GV hướng dẫn HS tìm ý: Trên cơ sở bài thơ đã chọn, HS có thể tìm ý theo phiếu hướng dẫn Tìm ý theo Phiếu tìm ý *GV hướng dẫn HS lập dàn ý: - HS sử dụng kết quả của phần Tìm ý để Lập dàn ý cho bài viết theo hướng dẫn SHS/tr.82. - HS cần chú ý những yêu cầu đối với kiểu bài để tập trung vào trọng tâm. - GV yêu cầu HS trao đổi về dàn ý theo nhóm nhỏ và mời một số HS trình bày dàn ý.	II. LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC Đề bài: Viết bài văn nghị luận về cách ứng xử khi xảy ra xung đột giữa cha mẹ và con cái. 1. TRƯỚC KHI VIẾT a. Xác định vấn đề nghị luận, mục đích viết và người đọc - Vấn đề nghị luận: Cách ứng xử khi xảy ra xung đột giữa cha mẹ và con cái. - Mục đích viết: Thuyết phục người đọc đồng tình với những giải pháp ứng xử khi xảy ra xung đột, mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái, từ đó có nhận thức và hành động đúng. - Người đọc: Những người quan tâm đến vấn đề ứng xử khi xảy ra xung đột giữa cha mẹ và con cái. b. Tìm ý HS hoàn thành Phiếu tìm ý. c. Lập dàn ý *Mở bài: Giới thiệu và nêu quan điểm về vấn đề giải quyết Ví dụ: Gia đình là nơi gắn bó giữa các thành viên, là điểm tựa tinh thần giúp mỗi người vượt qua những sóng gió trong cuộc sống. Tuy nhiên, không phải lúc nào trong gia đình cũng tràn ngập

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.
- GV gọi 1 số HS trình bày dàn ý trước lớp..
- GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày bài viết.
- HS khác nhận xét.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

niềm vui, hạnh phúc mà cũng có khi xảy ra những xung đột, mâu thuẫn, đặc biệt là xung đột giữa con cái và bố mẹ. Vậy là một người con, việc giảm bớt những xung đột, mâu thuẫn đó hay làm gia tăng thêm khoảng cách thế hệ sẽ phụ thuộc nhiều vào cách ứng xử của bạn với bố mẹ bạn.

***Thân bài:**

- Triển khai các luận điểm:

+ Những mâu thuẫn, xung đột thường gặp giữa cha mẹ và con cái: xung đột trong quan điểm, suy nghĩ về việc học tập, vui chơi, giải trí, ăn uống,.. Những mâu thuẫn này chủ yếu xuất phát từ sự thiếu gắn kết, ít thời gian quan tâm, chia sẻ quan điểm giữa cha mẹ và con cái; hoặc có khi do cha mẹ kiểm soát con cái quá mức,...

+ Ý kiến của bản thân về vấn đề: Giữa những người thân yêu trong gia đình cần chia sẻ, giải quyết những xung đột, mâu thuẫn ngay khi nó hình thành để xóa bỏ những khoảng cách giữa các thành viên.

+ Đề xuất những giải pháp để giải quyết những mâu thuẫn, xung đột giữa cha mẹ và con cái (nêu lí lẽ và dẫn chứng):

++ Đầu tiên, mỗi thành viên cần học cách lắng nghe. Khi biết lắng nghe, các thành viên sẽ biết tôn trọng ý kiến của nhau, biết hạ cái tôi của mình xuống để tránh làm mâu thuẫn căng thẳng

	hơn. ++ Trước những mâu thuẫn, xung đột, các thành viên cần tôn trọng quyền dân chủ của nhau, nghiêm túc ngồi lại để chỉ rõ nguyên nhân, lỗi của từng người để rút kinh nghiệm thay vì im lặng và ngậm đố hết lỗi cho người kia. Bố mẹ không nên luôn cho mình đúng để bắt con cái phải nghe theo sự sắp đặt của mình. ++ Cần đặt mình vào vị trí người khác để thấu hiểu nhau hơn. Bố mẹ nên hiểu tâm lí lứa tuổi của con cái, con cái cũng cần hiểu cho những nỗi lo của cha mẹ,... ++ Một nguyên tắc quan trọng khác là luôn tôn trọng nhau. Sự tôn trọng chính là nền tảng cho bất kì mối quan hệ nào, trong đó có mối quan hệ giữa cha mẹ - con cái. Cha mẹ và con cái đều cần sống đúng bổn phận, trách nhiệm của mình trong gia đình để luôn đẹp trong mắt những người còn lại, để xứng đáng được tôn trọng. Mỗi người hãy học cách hoàn thiện bản thân mỗi ngày để xây dựng một gia đình ngày càng văn minh hơn. ++ Cả bố mẹ và con cái hãy dành cho nhau thời gian mỗi ngày để vun đắp tình cảm yêu thương, khi yêu thương đủ đong đầy thì tự khắc mọi xung đột, mâu thuẫn sẽ tự biến mất. - Nêu ý kiến trái chiều và phản bác ý kiến đó: + Ý kiến trái chiều: Về phía các bậc phụ huynh, không ít người luôn cho mình quyền làm cha mẹ
--	--

	mà bắt ép con cái làm theo ý mình, bất kể nguyện vọng của con là gì. Ở chiều ngược lại, cũng không ít bạn trẻ không bao giờ tâm sự với cha mẹ vì cho rằng cha mẹ thuộc thế hệ “cổ hủ, lạc hậu” sẽ không hiểu được suy nghĩ của mình. + Ý kiến phản bác: Đó đều là những suy nghĩ, việc làm sai lầm, càng làm rộng hơn khoảng cách giữa cha mẹ và con cái. Chỉ có sự chia sẻ, tôn trọng mới tạo nên mối quan hệ bền chặt. Bố mẹ sinh con ra, là những người thầy và những người bạn đầu tiên của con cái nên sẽ hiểu con cái hơn ai hết. *Kết bài: Khẳng định tầm quan trọng của việc nhận thức đúng và giải quyết hiệu quả vấn đề đã nêu. Xung đột, mâu thuẫn giữa cha mẹ và con cái khó tránh khỏi, song nó sẽ không đủ lớn để làm rạn vỡ tình cảm gia đình nếu mỗi thành viên đều thiện chí muốn giải quyết xung đột, mâu thuẫn đó. Hãy để gia đình mãi là bến đỗ bình yên cho tâm hồn mỗi người. Muốn vậy, mỗi người hãy biết học cách lắng nghe, thẳng thắn và quan trọng hơn là luôn đặt tình cảm gia đình hàng đầu, bỏ qua những tật xấu, lỗi lầm không đáng có của nhau và hướng đến một không gian lành mạnh, gia đình hạnh phúc.
Thao tác 2: VIẾT BÀI Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV hướng dẫn HS theo dõi	2. VIẾT BÀI - Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ

SHS/tr.82 và trả lời câu hỏi: <i>? Để viết triển khai đầy đủ các ý trong dàn ý, em cần viết từng phần như thế nào?</i> *GV nêu lưu ý chung cho HS khi viết phải đảm bảo. *Trong thời gian ngắn trên lớp, GV có thể tổ chức cho HS viết phần mở bài, 01 luận điểm của Thân bài để đọc và rút kinh nghiệm luôn trên lớp. Sau đó, GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành bài viết. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát hướng dẫn trong SGK để trả lời câu hỏi. - GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày. - HS khác nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà. - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý. - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo.	năng viết. - Lưu ý từng phần: + Phần <i>Mở bài</i> và phần <i>Kết bài</i>: mỗi phần viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh. + Phần <i>Thân bài</i>: ++ Lựa chọn kiểu tổ chức đoạn văn (diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp) cho phù hợp với từng ý triển khai trong Thân bài. ++ Khi viết, luôn chú ý liên kết các câu trong đoạn và liên kết các đoạn trong bài. ++ Chú ý kết hợp nhuần nhuyễn giữa sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong khi triển khai các ý của phần <i>Thân bài</i> để đảm bảo tính thuyết phục của một bài văn nghị luận.
Thao tác 3: CHỈNH SỬA BÀI VIẾT Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.	3. CHỈNH SỬA BÀI VIẾT Cần bám sát những tiêu chí sau: - Vấn đề cần giải quyết được nêu một cách rõ ràng, đầy đủ. - Hệ thống luận điểm chặt chẽ, xác đáng, bằng

- GV gọi 2 – 3 HS đọc bài viết của mình. HS căn cứ vào bảng kiểm để đánh giá bài viết của bạn. (Bảng kiểm bên dưới) - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, rút ra những gì cần phát huy, chỉnh sửa hoặc bổ sung. - GV yêu cầu các em dựa vào bảng kiểm để chỉnh sửa theo những điều GV vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc chỉnh sửa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nhận xét các bài viết được đọc qua bảng kiểm. - HS tự đánh giá bài viết và chỉnh sửa bài viết của mình theo bảng kiểm. - HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, đánh giá, bổ sung.	chứng đầy đủ. - Giải pháp đề giải quyết vấn đề hợp lí, khả thi, có sức thuyết phục. - Bài viết không mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp, liên kết và mạch lạc. (HS tham khảo bảng kiểm).
--	--

Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết.

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu được được vấn đề cần giải quyết.		
	Nêu tầm quan trọng của việc giải quyết vấn đề.		
Thân bài	Trình bày được ý kiến về vấn đề bằng hệ thống luận điểm chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục, bằng chứng tiêu biểu và xác thực.		

	Nêu được ý kiến trái chiều và phản bác ý kiến đó.		
	Đề xuất được giải pháp để giải quyết vấn đề.		
Kết bài	Khẳng định lại ý nghĩa của việc giải quyết vấn đề.		
Kĩ năng, trình bày diễn đạt	Sắp xếp các ý triển khai và dẫn chứng hợp lí.		
	Bố cục chặt chẽ, trình bày mạch lạc.		
	Đảm bảo chính tả, dùng từ và diễn đạt.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn để liên kết các ý.		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Chỉnh sửa được bài viết của bản thân.
- HS vận dụng được quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết vào việc tạo lập VB về một vấn đề cần giải quyết khác.

b. Tổ chức thực hiện

- Chỉnh sửa bài viết của bản thân hay góp ý bài viết cho bạn.
- Tự thực hành viết bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết khác.

Bước 1: GV giao nhiệm vụ học tập

- Dựa vào những góp ý của bạn theo nhóm đôi, hãy tự chỉnh sửa bài viết của bản thân.
- Nhận bài viết của một bạn khác trong lớp, đọc, góp ý dựa trên bảng kiểm GV cung cấp.
- Tự thực hiện các bước chuẩn bị, tìm ý, lập dàn ý rồi viết bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết khác.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS công bố bài viết trên trang web của lớp hoặc bảng tin học tập của lớp.
- Gửi cho bạn những ý kiến góp ý cho bài viết của bạn.
- HS lập danh sách những trích dẫn hay từ bài viết của mình hoặc của các bạn khác trong lớp để lưu vào hồ sơ viết.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

Tuần: 10

Tiết: 40

Ngày soạn: 13/10/2025

KẾ HOẠCH DẠY HỌC

NÓI VÀ NGHE:

TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ TÍNH THỜI SỰ TRONG ĐỜI SỐNG CỦA LỨA TUỔI HỌC SINH HIỆN NAY

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS nhận biết được yêu cầu của bài trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh.
- HS biết xác định vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay.
- HS nêu được ý kiến của bản thân về vấn đề.
- Nghe và nắm bắt được ý kiến, quan điểm của người nói, biết nhận xét, đánh giá về ý kiến, quan điểm đó.

2. Năng lực

- NL tự chủ và tự học; NL giải quyết vấn đề và sáng tạo; NL giao tiếp và hợp tác,...

3. Phẩm chất

- Tự tin trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay.
- Biết lắng nghe ý kiến của bạn.
- Có ý thức vận dụng vấn đề vào đời sống.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập
2. Thiết bị: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.
- b. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-----------------	------------------

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV sử dụng chiến thuật công não yêu cầu HS chia sẻ nhanh những vấn đề thời sự mà HS quan tâm hiện nay. - Trả lời câu hỏi: Trong số các vấn đề đã được chia sẻ, những vấn đề nào liên quan trực tiếp đến lứa tuổi học sinh? Những vấn đề nào đang xảy ra ở lớp em, trường em? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận nhanh trong nhóm để thực hiện yêu cầu. - GV động viên, khuyến khích. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV mời đại diện. - Các HS khác góp ý, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định	HS chia sẻ và trả lời câu hỏi. Ví dụ về một số vấn đề thời sự (trực tiếp liên quan đến lứa tuổi học sinh): + Hút thuốc lá điện tử ở HS + Vấn đề bạo lực học đường + Vấn đề bạo lực mạng + Vấn đề dùng ngôn ngữ dung tục, thiếu chuẩn mực ở HS trong giao tiếp ...
---	---

GV dẫn vào nội dung bài học:

Trong phần Viết, các em đã được hướng dẫn viết bài nghị luận về một vấn đề cần giải quyết của lứa tuổi học sinh trong cuộc sống hiện đại. Tiết Nói và nghe hôm nay, cô sẽ hướng dẫn các em trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS nhận biết được yêu cầu của bài trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh.

b. Tổ chức thực hiện:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN	SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS trao đổi theo cặp, trả lời câu hỏi: <i>Bài trình bày ý kiến về một</i>	Một số lưu ý khi trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh 1. Về nội dung

vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh cần đáp ứng những yêu cầu gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

+ Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi.

+ GV quan sát, khuyến khích

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

+ Đại diện một số cặp đôi phát biểu.

+ Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Lựa chọn đề tài phù hợp (có tính thời sự, có ý nghĩa thiết thực, liên quan đến đời sống của lứa tuổi học sinh).

- Thể hiện được ý kiến, quan điểm của người nói về vấn đề.

- Đưa ra lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến, thuyết phục người nghe đồng tình.

- Đưa ra hướng giải quyết hợp lí cho vấn đề.

- Nêu được ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề.

2. Về cách trình bày

- Nói to, rõ ràng, mạch lạc.

- Sử dụng các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...), các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, video clip,...) phù hợp.

3. HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

a. Mục tiêu:

- Người nói: Trình bày được quan điểm cá nhân về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay.

- Người nghe: hiểu và tóm tắt được nội dung ý kiến của người nói, thể hiện sự đồng tình hoặc phản biện một cách thuyết phục

b. Tổ chức thực hiện

PHIẾU CHUẨN BỊ BÀI NÓI:

Trình bày ý kiến về một về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học HS (HS chuẩn bị ở nhà)

1. Mục đích của bài nói - Đối tượng người nghe	
2. Thời gian trình bày	
3. Đề tài của bài nói (vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh)	
4. Nội dung bài nói	

- Mở đầu: Giới thiệu trực tiếp/ gián tiếp vấn đề.	
- Triển khai	
+ Lí do lựa chọn vấn đề.	
+ Trình bày ý kiến về vấn đề.	
+ Nêu giải pháp giải quyết vấn đề.	
- Kết thúc: khẳng định ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề.	
5. Phương tiện hỗ trợ bài nói	
6. Dự kiến các câu hỏi của người nghe	

PHIẾU GHI CHÉP PHẦN NGHE:

Trình bày ý kiến về một về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi HS

Đề tài bài nói:.....

Người nói:.....

Người nghe:.....

***Nhận xét về nội dung và cách thức thuyết trình của bài nói:** Người nghe trả lời các câu hỏi sau:

+ Đề tài bài nói có mang tính thời sự, liên quan đến đời sống của lứa tuổi học sinh không?

+ Người nói đưa ra ý kiến gì về vấn đề? Những lí lẽ, bằng chứng mà người viết đưa ra có đủ sức thuyết phục không?

+ Cách trình bày ý kiến của người viết có rõ ràng mạch lạc không? Các phương tiện phi ngôn ngữ có được sử dụng hiệu quả không?

***Câu hỏi về những điểm còn băn khoăn, muốn trao đổi để làm rõ thêm:**

.....

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: TRƯỚC KHI NÓI	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS kiểm tra chéo phần chuẩn bị bài nói ở nhà của HS theo hướng dẫn ở Phiếu chuẩn bị bài nói (mẫu ở trên) .	*Mục đích nói: Thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến của mình về cách giải quyết vấn đề, từ đó tác động đến nhận thức và hành

- GV mời một số HS phát biểu về những lưu ý trong bước chuẩn bị bài nói và trình bày bài nói bằng cách trả lại nhanh các câu hỏi sau: + <i>Để có một bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay, em cần chuẩn bị những gì trước khi nói?</i> - <i>Bố cục của bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay gồm mấy phần? Yêu cầu của từng phần là gì?</i> - <i>Để bài nói thêm thu hút và thuyết phục, em có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ nào?</i> - GV yêu cầu HS dành 5 – 7 phút để tự soát lại nội dung đã chuẩn bị của bài nói. - GV lưu ý HS khi tập luyện cần điều chỉnh dung lượng bài nói cho phù hợp với thời gian quy định, đồng thời cần chú ý cách sử dụng ngữ điệu nói, cử chỉ, điệu bộ và ánh mắt để tăng sức thuyết phục cho bài nói của mình. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, theo dõi SGK lần lượt thực hiện các yêu cầu của GV. - HS khác nghe, góp ý. - GV quan sát, khuyến khích, hỗ trợ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS hoàn thiện sự chuẩn bị bài nói; tập trình bày bài nói trước nhóm. Bước 4: Đánh giá, kết luận	động của người nghe. *Người nghe: Những người quan tâm đến các vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay. *Chuẩn bị nội dung bài nói: - Lựa chọn một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay. - Tìm ý và lập dàn ý cho bài nói theo các phần: Mở đầu, Triển khai, Kết luận. - Lựa chọn một số từ ngữ then chốt phù hợp với vấn đề trình bày. *Tập luyện - HS tự soát lại phần đã chuẩn bị của bài nói. - HS nói tập nói trước nhóm/tổ.
--	--

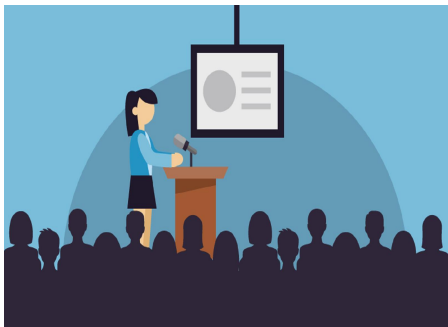
GV nhận xét, chuẩn kiến thức.

Bước 2: TRÌNH BÀY BÀI NÓI – TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ SAU KHI NÓI

Bước 1: GV giao nhiệm vụ:

- GV tổ chức cuộc thi:

“Nhà hùng biện tài năng”



- GV cử 01 HS làm MC dẫn dắt phần trình bày của các HS.

- GV quy định rõ thời gian cho mỗi bài trình bày để HS không phải trình bày quá nhiều nội dung, tạo điều kiện cho nhiều HS được nói và có thể nói kĩ, nói sâu về một vài ý mà HS thực sự quan tâm, hứng thú.

=> Mỗi HS sẽ trình bày bài nói trong thời gian nói (khoảng 5 phút) để có khoảng 3 - 4 HS được trình bày bài nói trước lớp.

- GV thông qua các hạng mục giải thưởng:

Nhà hùng biện tài năng nhất, Nhà hùng biện sáng tạo nhất, Bài thuyết trình được khán giả bình chọn nhiều nhất, Câu hỏi hay nhất,...

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bài tập: Hãy trình bày ý kiến về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay.

CUỘC THI:

“NHÀ HÙNG BIỆN TÀI NĂNG”

***Yêu cầu chung:**

Người nói:

- Dựa vào phần tóm tắt dàn ý đã chuẩn bị trước, có thể sử dụng thêm giấy nhớ để ghi chú ngắn gọn nội dung trình bày dưới dạng từ, cụm từ.

- Trình bày bài nói từ khái quát đến cụ thể: từ tóm tắt hệ thống ý của bài nói rồi đi vào từng phần:

+ **Mở đầu:** Giới thiệu vấn đề.

+ **Triển khai:**

++ Nêu ngắn gọn lí do lựa chọn vấn đề.

++ Trình bày ý kiến về vấn đề. Chú ý sử dụng lí lẽ và bằng chứng.

++ Nêu giải pháp khả thi để giải quyết vấn đề.

+ **Kết thúc:** Khẳng định ý nghĩa của việc bàn luận về vấn đề.

- Kết hợp các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ phù hợp với bài nói (thiết kế bài

- MC dẫn chương trình. - Lần lượt các HS (đã đăng kí thuyết trình) lên trình bày bài thuyết trình về một vấn đề có tính thời sự trong đời sống của lứa tuổi học sinh hiện nay. - Những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào Phiếu ghi chép phần nghe (mẫu ở trên) Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày bài nói trước lớp và trao đổi với người nghe; giải đáp những vấn đề người nghe còn băn khoăn, chưa hiểu rõ. - Sau phần nói của mỗi HS, MC mời 1 – 2 HS thực hiện phần trao đổi, nhận xét, đánh giá về bài nói của bạn theo các tiêu chí trong bảng kiểm (phía dưới) Bước 4: Kết luận, nhận định GV khen ngợi HS về kỹ năng thuyết trình tốt; khen ngợi những câu hỏi, góp ý hay, cách góp ý nhẹ nhàng, lịch sự của người nghe đối với người thuyết trình.	trình chiếu, sử dụng sơ đồ tư duy, tranh, ảnh minh họa, phần nhạc nền cho bài nói nếu thấy cần thiết). Điều chỉnh ngữ điệu cho phù hợp. Người nghe: + Chú ý lắng nghe bài nói của bạn. + Nghe trên tinh thần chuẩn bị đưa ra quan điểm của mình để đối thoại với người nói. + Đặt câu hỏi để người nói trình bày, giải thích về những nội dung còn băn khoăn chưa rõ. + Trao đổi với người nói về những điểm mà mình chưa đồng tình.
--	---

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ CÓ TÍNH THỜI SỰ TRONG ĐỜI SỐNG CỦA LỨA TUỔI HS HIỆN NAY

Tiêu chí	Đạt	Không đạt
Lựa chọn vấn đề phù hợp với lứa tuổi học sinh.		
Mở đầu thu hút.		
Nêu được ý kiến về vấn đề bằng một số luận điểm.		
Luận điểm được làm sáng tỏ bằng lí lẽ, bằng chứng.		
Đề xuất được giải pháp để giải quyết vấn đề.		

Kết hợp hiệu quả các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.		
Kết thúc ấn tượng.		
Đảm bảo thời gian theo quy định.		
Tương tác với người nghe khi nói, trao đổi với người nghe sau khi kết thúc bài nói.		

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Mở rộng kiến thức nội dung của bài học.
- b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.
- c. Sản phẩm:** Bài nói của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Yêu cầu: Tự quay sản phẩm video thuyết trình của cá nhân em, gửi vào zalo nhóm để nhờ các thành viên trong nhóm nhận xét, đánh giá chéo lẫn nhau.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định

HƯỚNG DẪN HS TỰ HỌC Ở NHÀ

1. GV hướng dẫn HS phần **Củng cố, mở rộng bài học 3**

- a. Mục tiêu:** HS củng cố các yêu cầu cần đạt của toàn bài.
- b. Nội dung:** HS làm việc cá nhân, vận dụng kiến thức đã học vào việc hoàn thành các bài tập.
- c. Sản phẩm:** Bài làm, phần tự tìm hiểu của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

1.1. Bài tập 1 (SHS/ Tr 83): So sánh và nêu nhận xét về cách miêu tả nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn trích *Kim - Kiều gặp gỡ* với đoạn trích trong *Kim Vân Kiều truyện* (Thanh Tâm Tài Nhân):

Gợi ý

So sánh	Đoạn trích <i>Kim - Kiều gặp gỡ</i> (Nguyễn Du)	Đoạn trích trong <i>Kim Vân Kiều truyện</i> (Thanh Tâm Tài Nhân)
Điểm giống	- Miêu tả vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều, Thuý Vân dưới cái nhìn của Kim Trọng. - Thể hiện tâm lí vừa muốn nán lại thật lâu, vừa ngại ngùng, muốn giữ lễ của Kim Trọng. - Nhân vật được miêu tả ở cả biểu hiện bên ngoài và thế giới nội tâm.	
Điểm khác	- Miêu tả khái quát vẻ đẹp của Thuý Vân, Thuý Kiều; miêu tả tinh tế tâm lí của hai nhân vật Kim Trọng và Thuý Kiều trong lần đầu gặp gỡ; miêu tả thiên nhiên - không gian gặp gỡ, hình ảnh ngụ ý tâm tư, cảm xúc của nhân vật. - Nguyễn Du tập trung miêu tả diễn biến tâm lí của cả Thuý Kiều và Kim Trọng; nhà thơ khai thác những rung động tinh tế mà mãnh liệt trong tâm hồn của cặp đôi trai tài - gái sắc.	- Miêu tả cụ thể ngoại hình Thuý Vân, Thuý Kiều và cảm xúc, mong ước của Kim Trọng khi đứng trước hai người đẹp. - Tâm lí, tình cảm nhân vật được biểu hiện trực tiếp, rõ ràng; Kim Trọng được thể hiện trong chân dung chàng trai si tình, bị quyến rũ bởi nhan sắc người đẹp.

1.2. Bài tập 2 (SHS/ Tr 84): Hệ thống kiến thức các văn bản đọc trong bài 3.

Gợi ý

STT	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Nội dung chủ đề	Đặc sắc nghệ thuật
1	Đoạn trích <i>Kim - Kiều gặp gỡ</i>	Nguyễn Du	Truyện thơ Nôm	Ca ngợi vẻ đẹp của tuổi trẻ và tình yêu tự do, thể hiện sự trân	Khắc hoạ nhân vật ở cả ngoại hình, lời nói, hành động và tâm

				trọng khát vọng hạnh phúc của con người	lí, tình cảm; ngôn ngữ tinh tế, giàu giá trị tạo hình và biểu cảm.
2	<i>Đoạn trích</i> Lục Vân Tiên đánh cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga	Nguyễn Đình Chiểu	Truyện thơ Nôm	Ca ngợi người anh hùng nghĩa hiệp trừ bạo cứu dân, ca ngợi lối sống trọng ân nghĩa, thể hiện khát vọng công lí.	Khắc hoạ nhân vật qua ngoại hình, lời nói, hành động; ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, mang đậm màu sắc Nam Bộ
3	Bà thơ <i>Tự tình</i> (bài 2)	Hồ Xuân Hương	Thơ thất ngôn bát cú Đường luật	Cảm thương cho số phận bi kịch của người phụ nữ, đồng cảm với khát vọng tình yêu, hạnh phúc của họ.	Sử dụng từ ngữ tinh tế và sáng tạo, cách gieo vần độc đáo, giàu tính gợi hình, biểu cảm, sử dụng hiệu quả các biện pháp tu từ.

1.3. Bài tập 3 (SHS/ Tr 84): Tự lựa chọn một đoạn thơ (tối thiểu 12 câu) trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du) hoặc *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu) và thực hiện các yêu cầu SGK.

Gợi ý

Đoạn trích:

*Biết bao bướm lả ong lơi!
Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.
Dập dùi lá gió cành chim,*

Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Tràng Khanh

Khi tỉnh rượu lúc tàn canh

Giật mình mình lại thương mình xót xa

Khi sao phong gấm rủ là

Giờ sao tan tác như hoa giữa đường?

Mặt sao dày gió dạn sương

Thân sao bướm chán ong chường bấy thân?

Mặc người mưa Sở mây Tần

Những mình nào biết có xuân là gì?

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

a. Vị trí, bố cục đoạn trích:

- Vị trí: Đoạn trích gồm 12 câu, từ câu 1229 đến câu 1240 trong phần "Gia biến và lưu lạc", tái hiện chuỗi ngày đầy đau đớn, ê chề của nàng Kiều khi bị lừa bán vào lầu xanh, sống cuộc sống nhơ nhớp.

- Bố cục:

+ 4 câu đầu: Tình cảnh trớ trêu của Kiều khi ở lầu xanh.

+ 8 câu còn lại: Tâm trạng của Kiều

b. Phân tích hình tượng Thúy Kiều trong đoạn trích:

*** Tình cảnh trớ trêu của Thúy Kiều ở lầu xanh (4 câu đầu)**

Biết bao bướm lả ong lơi,

Cuộc say đầy tháng trận cười suốt đêm.

Dập dìu lá gió cành chim,

Sớm đưa Tống Ngọc tới tìm Trường Khanh.

- Bút pháp ước lệ, tượng trưng: *bướm, ong, cuộc vui, trận cười* → Cảnh sinh hoạt xô bồ, tấp nập ở chốn lầu xanh

- Sử dụng điển cố, điển tích: *lá gió, cành chim, Tống Ngọc, Trường Khanh*

- Nghệ thuật tiểu đối, gợi nên sự bề bộn, xấu hổ của Thúy Kiều: *bướm lả - ong lơi, cuộc vui... - trận cười...., sớm – tới*

- Từ ngữ chỉ mức độ: *biết bao, đầy tháng, suốt đêm*

⇒ Cuộc sống xô bồ ở lầu xanh, Kiều phải tiếp khách làng chơi suốt ngày đêm. Đây là một tình cảnh trớ trêu của cuộc đời Kiều khi bị vùi dập, chà đạp cả thể xác và nhân phẩm

*** Tâm trạng Thúy Kiều (8 câu sau):**

- Không gian: lầu xanh
- Thời gian: tàn canh, ban đêm → Thời gian, không gian nghệ thuật thích hợp để Kiều soi thấu tâm trạng của mình
- Tâm trạng của Thúy Kiều:
 - + *Giật mình*: bàng hoàng, thảng thốt, không tin vào cảnh sống ở thực tại của bản thân mình
 - + *Thương mình xót xa*
→ Cái giật mình trân quý, làm nên nhân cách cao đẹp của Thúy Kiều
- Nghệ thuật:
 - + Cặp từ đối lập “*khi sao*” và “*giờ sao*” với nghệ thuật đối giữa hai câu lục/ bát ⇒ Nhấn mạnh sự khác biệt: quá khứ thì êm đềm, hạnh phúc còn hiện tại thì đau đớn, phũ phàng, bị vùi dập
 - + Ngữ điệu hỏi: “*mặt sao*”, “*thân sao*”
 - + Sử dụng thành ngữ chéo: “*dày gió dạn sương*” (*dày dạn gió sương*), “*bướm chán ong chường*” (*ong bướm chán chường*) ⇒ nhấn mạnh sự ngỡ ngàng, bàng hoàng
 - + Đối lập giữa khách làng chơi và Kiều:
⇒ Khi sống thật với chính mình, Kiều bàng hoàng, xót xa cho thân phận của mình và phải chăng đó cũng chính là tiếng nói đòi quyền sống cá nhân của con người trong xã hội phong kiến của Nguyễn Du - con người biết nhận thức và ý thức về hạnh phúc của mình
 - Cảnh vật đối với Thúy Kiều là sự giả tạo, Kiều không tìm được tri âm, tri kỉ, nàng thờ ơ với tất cả mọi thứ xung quanh. Tâm trạng gượng gạo, chán chường nhưng cũng chính là ý thức nhân phẩm đẹp đẽ của nhân vật trữ tình.
- Qua nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, tác giả khắc họa tâm trạng của Thúy Kiều ở chốn lầu xanh: sông nơi lầu xanh dập dề, Thúy Kiều tự thương, tự đau, tự xót xa cho thân phận của mình
- Điệp từ *vui, ai*; ngôn ngữ nửa trực tiếp làm cho câu thơ có lớp ý nghĩa sâu sắc + câu hỏi tu từ đầy xót xa, cay đắng cho thấy phẩm chất tốt đẹp của Thúy Kiều giàu lòng tự trọng, coi trọng phẩm giá, muốn được sống bình yên, trong sạch.

c. Chỉ ra những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích:

- **Nội dung:** Đoạn trích thể hiện nỗi thương thân, trách phận, và sự tự ý thức cao độ của Thúy Kiều nhất là ý thức về nhân cách. Đồng thời, bằng lòng thương cảm và tài năng của mình, Nguyễn Du đã đem đến một sắc thái mới về sự tự ý thức của con người cá nhân trong văn học trung đại.

- **Nghệ thuật:**

- + Sử dụng triệt để phép đối, hình ảnh ước lệ, phép điệp, câu hỏi tu từ.
- + Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình
- + Ngòi bút miêu tả tâm lí độc đáo, sắc sảo.
- + Ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm, sử dụng các điển tích.

2. Hướng dẫn HS thực hành đọc: Văn bản *Kiều ở lầu Ngưng Bích* (Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du)

a. **Mục tiêu:** Thực hành kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện thơ Nôm ở nhà.

b. **Tổ chức thực hiện:**

Phiếu học tập 01: Khám phá đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>	
Đặc sắc nội dung	1. Phân tích diễn biến tâm trạng Thúy Kiều (theo bố cục đoạn trích)
	2. Rút ra đặc điểm tính cách Thúy Kiều qua đoạn trích
	3. Chủ đề của đoạn trích
	4. Tư tưởng, tình cảm của Nguyễn Du gửi gắm
Đặc sắc nghệ thuật	Nhận biết lời người kể chuyện và lời độc thoại nội tâm của nhân vật Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình

	Nhận xét về nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ Các thủ pháp nghệ thuật khác
--	--

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Thao tác 1: Hướng dẫn HS đọc, khám phá chung về tác giả, văn bản Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc kĩ văn bản khoảng 2 lần trước khi tìm hiểu. - Tìm hiểu vị trí đoạn trích và xác định bố cục của đoạn trích. - Khái quát nội dung chính của đoạn trích. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Đánh giá, kết luận	I. Đọc – khám phá chung 1. Đọc văn bản 2. Vị trí đoạn trích - Trích từ câu 1033 đến câu 1054, thuộc phần <i>Chia li</i> trong cốt truyện của <i>Truyện Kiều</i>. - Bối cảnh: Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa bán vào lầu xanh, Kiều liễu mình tự vẫn. Mụ chủ nhà sợ mất “cả vốn lẫn lời” nên hứa hẹn gả chồng cho Kiều, đưa nàng ra ở lầu Ngưng Bích nhưng thực chất là giam lỏng và chuẩn bị âm mưu bắt nàng tiếp khách làng chơi. 3. Bố cục đoạn trích: 3 phần - Phần 1: 6 câu đầu: Khung cảnh trước lầu Ngưng Bích và tâm trạng của nàng Kiều. - Phần 2: 8 câu tiếp: Nỗi nhớ thương Kim Trọng và cha mẹ của Kiều. - Phần 3: 8 câu cuối: Tâm trạng ngồn ngang, nặng trĩu lo âu của Kiều khi nghĩ về tương lai. 4. Nội dung khái quát Đoạn trích tái hiện khung cảnh hoang vắng, lạnh lẽo ở lầu Ngưng Bích, hoàn cảnh lẻ loi, tội nghiệp của Thúy Kiều và tâm trạng bẽ bộn, ngồn ngang trăm mối

	của nhân vật.
Thao tác 2: Hướng dẫn HS khám phá đặc sắc nội dung và nghệ thuật của văn bản Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ Để tìm hiểu VB, GV yêu cầu HS hoàn thành tự hoàn thành Phiếu học tập số 01. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Bước 3: Báo cáo, thảo luận Bước 4: Đánh giá, kết luận	II. Khám phá đặc sắc nội dung và nghệ thuật của văn bản 1. Diễn biến tâm trạng Thúy Kiều 1.1. Sáu câu đầu: Khung cảnh trước lầu Ngưng Bích và tâm trạng của nàng Kiều - Cảnh lầu Ngưng Bích: + Các hình ảnh miêu tả thiên nhiên: <i>non xa</i>, “<i>trăng gần</i>”, “<i>bốn bề bát ngát</i>”, “<i>cát vàng, bụi hồng</i>”, ... + Những từ ngữ, biện pháp tu từ: từ láy <i>bát ngát</i>; tính từ <i>xa - gần</i>, chỉ từ <i>nọ - kia</i>; biện pháp ẩn dụ “<i>khoá xuân</i>”- là khoá kín tuổi xuân,... → Cảnh vật hiện lên ở các thời điểm khác nhau, đẹp như một bức tranh sơn dầu có trăng, có núi, lấp lánh sắc vàng của cồn cát, sắc hồng của bụi dặm xa,... nhưng gợi nên sự xa xôi, mờ ảo, hoang vắng, nhợt nhạt thiếu hơi ấm của con người. - Tâm trạng của Thúy Kiều được bộc lộ trực tiếp qua dòng thơ “<i>Bẽ bàng mây sớm đèn khuya – Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng</i>”. Từ láy “<i>bẽ bàng</i>” đặc tả tâm trạng xấu hổ, tủi thẹn của Kiều khi rơi vào tình cảnh nhơ nhuốc. Nhưng nỗi niềm chỉ biết sẻ chia cùng cảnh vật <i>Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng</i>. => Lòng Thúy Kiều vốn đã buồn, giờ nhìn cảnh vật, lòng nàng càng xót xa tủi hờn. 1.2. Tám câu tiếp: Nỗi nhớ thương Kim Trọng và cha mẹ của Kiều. * Tám dòng thơ giữa là lời độc thoại nội tâm của Thúy Kiều

	* Diễn biến tâm trạng: - Nỗi nhớ Kim Trọng: + Nhớ Kim Trọng, Kiều nhớ về kỉ niệm đêm trăng hai người từng thề nguyện hẹn ước “<i>Tưởng người dưới nguyệt chén đồng</i>”. + Tâm trạng: Kiều xót xa khi hình dung ra cảnh Kim Trọng đang ngóng trông mình; nàng cũng khẳng định tình cảm của mình với Kim Trọng. Dù xa xôi cách trở nhưng tình cảm vẫn thủy chung son sắt và không gì có thể làm phai mờ. - Nỗi nhớ cha mẹ: + <i>Quạt nồng ấp lạnh</i> → Xót thương vì không được chăm sóc cha mẹ. + <i>Sân Lai</i>, gốc tử → Kiều cảm nhận thời gian đang trôi đi nhanh chóng, cha mẹ ngày một già đi mà mình ko thể ở bên để phụng dưỡng. => Thể hiện nỗi lòng của người con hiếu thảo. - Các biện pháp tu từ, từ ngữ đặc sắc: + Ấn dụ: <i>tấm son</i> – tấm lòng thủy chung, son sắc Kiều dành cho Kim Trọng dẫu gột rửa chẳng thể phai mờ. + Điển cố, điển tích: <i>tin sương, quạt nồng ấp lạnh, sân Lai</i>, ... 1.3. Tám câu cuối: Tâm trạng ngổn ngang, nặng trĩu lo âu của Kiều khi nghĩ về tương lai - Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong bốn cặp câu thơ: + Cảnh cửa bể chiều hôm với những con thuyền, thấp thoáng, xa xa lúc ẩn, lúc hiện. → Nỗi buồn thương, nỗi nhớ nhà và khao khát được trở về nhà của Kiều. + Hình ảnh hoa trôi giữa dòng nước mới sa → Kiều xót thương cho số phận của mình, nghĩ mình cũng giống
--	--

	nếu những cánh hoa kia lênh đênh giữa dòng đời vô định, không biết đi đâu về đâu. + Hình ảnh nội cỏ ngút ngàn trải dài đến tận chân mây mặt đất màu xanh xanh nhạt nhòa, rầu rầu héo úa. → Là nỗi buồn rầu, đau khổ của Kiều khi nhìn về tương lai mịt mờ, ảm đạm không tia hi vọng tốt lành. + Cảnh gió cuốn mặt duềnh với những con sóng dữ → Bộc lộ sự lo lắng cho thân phận của mình trước những sóng gió của cuộc đời; thấp thỏm không yên khi nghĩ đến tương lai, những ngày tháng sau này nàng không biết sẽ có điều gì đón đợi mình ở đó. - Biện pháp nghệ thuật tiêu biểu: Nghệ thuật điệp cấu trúc: <i>Buồn trông...</i> tạo nên nhịp thơ da diết sâu lắng, diễn tả tâm trạng xót xa đau đớn đến tận cùng của nàng Kiều *Nhận xét: Qua đoạn trích, Thúy Kiều hiện lên là một người tinh tế, nhạy cảm; thủy chung, hiếu thảo; giàu lòng vị tha, đức hi sinh. 2. Chủ đề - tư tưởng, tình cảm của tác giả - Chủ đề đoạn trích: Thể hiện những nỗi niềm của Thúy Kiều trong cảnh phiêu dạt; qua đó làm sáng ngời những phẩm chất tốt đẹp của Kiều. - Tư tưởng, tình cảm của Nguyễn Du: + Cảm thông, thương xót cho nỗi đau khổ, bất hạnh của Kiều. + Trân trọng, ngợi ca những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật; thấu hiểu, đồng tình với khát vọng sống. + Tiếng nói lên án xã hội phong kiến đã gây ra nỗi đau khổ cho người phụ nữ.
--	---

	3. Đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích - Thể thơ lục bát với âm điệu đa diết buồn thương. - Miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế. - Bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc. - Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ: + Sự đan xen ngôn ngữ kể, tả và ngôn ngữ độc thoại nội tâm. + Ngôn ngữ phong phú, đa dạng, vừa cô đọng, hàm súc vừa chân thực, sống động (từ Hán Việt, điển tích, điển cố, từ láy, động từ,...). - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ đặc sắc: phép đối, điệp, liệt kê, nhân hóa,...
--	--

Tuần: 11

Tiết: 41

Ngày soạn: 13/10/2025

KẾ HOẠCH DẠY HỌC

ĐỌC MỞ RỘNG

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. KIẾN THỨC

- Đọc mở rộng: Đọc VB văn học (bao gồm cả VB được hướng dẫn đọc trên mạng internet) có cùng thể loại và độ dài tương đương với các VB đã học; học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích trong chương trình.
- + Vận dụng được kiến thức và kĩ năng được học trong bài 1. *Thế giới kì ảo*, bài 2. *Những cung bậc tâm trạng*, bài 3. *Hồn nước nằm trong tiếng mẹ cha* để tự đọc một số VB truyện truyền kì, một số bài thơ song thất lục bát, truyện thơ Nôm (tác phẩm trọn vẹn hoặc đoạn trích).
- + Chia sẻ được kết quả đọc mở rộng với người khác.
- Qua việc chia sẻ kết quả đọc mở rộng, HS thể hiện khả năng nắm vững “mã thể loại” của truyện truyền kì, thơ song thất lục bát, truyện thơ Nôm và vận dụng để tự đọc các VB mới thuộc những thể loại này.

II. NĂNG LỰC

- Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.

III. PHẨM CHẤT

- Biết yêu quý, trân trọng những sáng tạo văn học của người xưa.
- Yêu thích văn học, say mê khám phá, tìm hiểu tác phẩm văn học..

* **HSKT**: Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ yêu thích.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU, CHUẨN BỊ CỦA HS

1. **Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, máy tính

2. **Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập,...

3. **Hoạt động chuẩn bị**:

- **GV hướng dẫn HS tìm truyện truyền kì, thơ song thất lục bát, truyện thơ Nôm và thực hành đọc**. GV có thể gợi ý cho HS một số cuốn sách:

+ Truyện truyền kì: *Truyện kì mạn lục* (Nguyễn Dữ), *Truyện kì tân phả* (Đoàn Thị Điểm), *Nam Ông mộng lục* (Hồ Nguyên Trùng), *Truyện truyền kì Việt Nam* (Vũ Ngọc Khánh - Nguyễn Quang Ân sưu tầm),...

+ Thơ song thất lục bát: *Khóc Dương Khuê* (Nguyễn Khuyến), *Ai tư vãn* (Lê Ngọc Hân), *Đêm khuya tự tình với sông Hương* (Hàn Mặc Tử),...

+ Truyện thơ Nôm: *Tổng Trân - Cúc Hoa* (khuyết danh), *Quan Âm Thị Kính* (khuyết danh), *Hoa Tiên* (Nguyễn Huy Tự),...

- **GV yêu cầu nhóm HS thực hiện các nhiệm vụ**:

+ Hoàn thành kế hoạch đọc sách của nhóm; mỗi nhóm sẽ chọn ít nhất một truyện truyền kì, một bài thơ song thất lục bát, một truyện thơ Nôm để cùng thảo luận.

+ Thực hiện kế hoạch đọc sách:

Vòng 1: Thực hiện đọc cá nhân, hoàn thành phiếu đọc sách.

Vòng 2: Thảo luận theo nhóm.

Vòng 3: Các nhóm thảo luận trên lớp.

- **Sản phẩm**:

+ Sản phẩm cá nhân: Hoàn thành phiếu đọc cá nhân.

+ Sản phẩm nhóm: Kế hoạch hoạt động của nhóm, bài trình bày kết quả đọc mở rộng của nhóm, đọc thuộc lòng một số đoạn trích truyện thơ Nôm và một số bài thơ song thất lục bát em yêu thích (có thể ứng dụng phần mềm Canva tạo video clip hoặc tự quay video clip).

***HS ghi chép “Nhật kí đọc sách” theo mẫu phiếu đọc cá nhân như sau:**

Phiếu 01: PHIẾU GHI CHÉP ĐỌC MỞ RỘNG VB TRUYỆN TRUYỀN KÌ	
Tên tác phẩm:.....	
Tên tác giả:.....	
1. Không gian, thời gian trong truyện	
2. Cốt truyện	
3. Nhân vật chính	
4. Yếu tố kì ảo	
5. Ngôn ngữ	
6. Chủ đề của truyện	
Cảm nhận của em về tác phẩm:	

Phiếu 02: PHIẾU GHI CHÉP ĐỌC MỞ RỘNG VB THƠ SONG THẤT LỤC BÁT	
Tên tác phẩm:.....	
Tên tác giả:.....	

1. Bố cục văn bản 									
2. Một số yếu tố thi luật của thể thơ STLB thể hiện trong tác phẩm: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 35%; padding: 5px;">1. Số tiếng trong mỗi dòng thơ, số dòng trong một khổ thơ</td> <td style="padding: 5px;">.....</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">2. Vận</td> <td style="padding: 5px;">.....</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">3. Thanh điệu</td> <td style="padding: 5px;">.....</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">4. Ngắt nhịp</td> <td style="padding: 5px;">.....</td> </tr> </table>		1. Số tiếng trong mỗi dòng thơ, số dòng trong một khổ thơ		2. Vận		3. Thanh điệu		4. Ngắt nhịp	
1. Số tiếng trong mỗi dòng thơ, số dòng trong một khổ thơ									
2. Vận									
3. Thanh điệu									
4. Ngắt nhịp									
3. Tâm trạng của nhân vật trữ tình 									
4. Một số đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm (hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,...) 									
Cảm nhận về tác phẩm: 									

Phiếu 03: PHIẾU GHI CHÉP ĐỌC MỞ RỘNG VB TRUYỆN THƠ NÔM
Tên tác phẩm:..... Tên tác giả: :.....

1. Một số yếu tố của truyện thơ Nôm thể hiện trong tác phẩm	
Cốt truyện	
Nhân vật	
Nét nổi bật của nhân vật chính	
Đặc điểm lời thoại của nhân vật	
2. Chủ đề của tác phẩm	
.....	
.....	
Cảm nhận về tác phẩm:	
.....	
.....	

Phiếu 4: THÔNG KÊ CÁC TÁC PHẨM ĐỌC MỞ RỘNG		
Yêu cầu: Thống kê tên các tác phẩm, tác giả:		
Truyện truyền kì	Thơ song thất lục bát	Truyện thơ Nôm
.....		

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Báo cáo sản phẩm dạy học dự án mà GV đã giao buổi sáng cuối các bài học 1, 2, 3.

Nhóm 1, 2: Tập làm họa sĩ

Yêu cầu: HS treo các bức tranh mà HS vẽ liên quan đến nội dung các văn bản đọc hiểu trong các bài học 1,2,3. HS thuyết trình về sản phẩm của cá nhân (ý tưởng, ý nghĩa của các bức tranh).

- Nhóm 3, 4: Sân khấu hóa tác phẩm văn học

Yêu cầu: Diễn một trích đoạn sân khấu trong thời gian tối đa 07 phút/ nhóm.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

Các nhóm lần lượt báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.

GV khích lệ, động viên.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

Các nhóm nhận xét sản phẩm của nhóm bạn sau khi nhóm bạn báo cáo.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.
- Cho điểm hoặc phát thưởng.

***Rubric đánh giá sản phẩm hoạt động nhóm:**

Mức độ	Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí			
Vẽ tranh minh hoạ về nội dung tác phẩm/ đoạn trích (10 điểm)	Các nét vẽ không đẹp và các bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc. (dưới 5 điểm)	Các nét vẽ đẹp nhưng các bức tranh chưa thật phong phú. (5-7 điểm)	Các bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn. (8 -10 điểm)
Hoạt cảnh sân khấu hoá (10 điểm)	Kịch bản đúng hướng nhưng chưa đầy đủ nội dung , diễn viên chưa nhập vai tốt. (5 – 6 điểm)	Kịch bản đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn, các diễn viên diễn có ý thức diễn xuất nhưng chưa tạo được ấn tượng sâu. (7 – 8 điểm)	Kịch bản đầy đủ nội dung và hấp dẫn, cuốn hút người đọc, diễn viên diễn xuất tốt, mang lại cảm xúc cho người xem. (9 - 10 điểm)

2. HOẠT ĐỘNG 2. TRAO ĐỔI VỀ KẾT QUẢ ĐỌC MỞ RỘNG

a. Mục tiêu: Giúp HS xác định rõ mục đích, nội dung đọc mở rộng; khơi gợi hứng thú khám phá của HS.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 2.1. Chia sẻ về nhật kí đọc sách

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- **Làm việc cặp đôi:** GV yêu cầu HS trao đổi nhật kí đọc sách giữa 2 HS với nhau.
- GV gọi 1 số HS chia sẻ nhật kí đọc sách với các bạn trong lớp.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- HS xem lại nhật kí đọc sách của mình đã ghi theo mẫu GV hướng dẫn (Phiếu 01, Phiếu 02, Phiếu 03 ở trên).
- HS chia sẻ nhật kí đọc sách trong nhóm

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV**Bước 4: Kết luận, nhận định****Hoạt động 2.2. Trao đổi về nội dung đọc mở rộng trước lớp****Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

- **GV chia lớp thành 3 nhóm:** nhóm yêu truyện truyền kì (1) , nhóm yêu thơ STLB (2), nhóm yêu truyện thơ Nôm (3).
- GV giao nhiệm vụ theo nhóm:

+ Nhóm 1: Thực hành đọc một truyện truyền kì ngoài SGK.

Yêu cầu: Tìm hiểu về chủ đề, không gian, thời gian, chi tiết, cốt truyện, nhân vật chính, lời người kể chuyện trong tác phẩm truyện truyền kì.

+ Nhóm 2: Thực hành đọc một tác phẩm/ đoạn trích thơ STLB ngoài SGK

Yêu cầu: Tìm hiểu chủ đề, một số yếu tố thi luật của thơ STLB như: vần, nhịp, số chữ, số dòng trong một khổ thơ thể hiện trong tác phẩm/ đoạn trích thơ STLB.

+ Nhóm 3: Thực hành đọc một tác phẩm/ đoạn trích truyện thơ Nôm ngoài SGK

- **Yêu cầu:** Tìm hiểu một số yếu tố của truyện thơ Nôm thể hiện trong tác phẩm đã đọc: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.
- Các thành viên trong nhóm thảo luận theo yêu cầu.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS chuẩn bị cá nhân, có thể trao đổi phiếu đọc với các bạn khác trong nhóm.
- GV động viên, gợi ý (nếu cần)

Bước 3: Báo cáo sản phẩm

Đại diện các nhóm trình bày kết quả đọc dưới hình thức một buổi Sinh hoạt Văn học
Thành phần tham dự gồm có:

- + MC
- + Đại diện người yêu truyện truyền kì

+ Đại diện người yêu thơ STL

+ Đại diện người yêu truyện thơ Nôm

- Đại diện các nhóm chia sẻ trước lớp những ý kiến nổi bật đã trao đổi trong nhóm.

- Các HS khác chú ý quan sát, nhận xét qua Bảng kiểm đánh giá kết quả đọc của các HS.

Bảng kiểm đánh giá sản phẩm báo cáo kết quả đọc mở rộng của nhóm

STT	Tiêu chí	Mức	
		Đạt	Chưa đạt
1	Chọn tác phẩm phù hợp, giàu giá trị nhân văn, giá trị nghệ thuật		
2	Có nhiều phát hiện sâu sắc, thú vị về tác phẩm		
3	Các phát hiện được trình bày khoa học, kết hợp lí lẽ và bằng chứng khi trình bày		
4	Cách trình bày sản phẩm nhóm hấp dẫn, tự tin		

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách

3. HOẠT ĐỘNG 3. VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Giúp HS vận dụng kiến thức đã học vào bài tập mới GV giao.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Làm việc cá nhân: HS vẽ sơ đồ tư duy về 01 tác phẩm truyện truyền kì/ thơ song thất lục bát/ truyện thơ Nôm mà em sưu tầm được ngoài SGK. Trong sơ đồ, thể hiện rõ các thông tin sau:

- Tác giả (nếu có)
- Đặc sắc về nội dung
- Đặc sắc về nghệ thuật.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS vẽ sơ đồ tư duy trong thời gian 10 phút.
- 02 HS hoàn thành nhanh nhất sẽ được treo sản phẩm lên bảng, thuyết trình nhanh và lấy điểm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Bước 4: Kết luận, nhận định